Ngày soạn :

**BÀI 7**

***TRONG ÁNH ĐÈN THÀNH THỊ***

**(Tiểu thuyết hiện đại)**

*Thời gian thực hiện: 12 tiết*

(Đọc: 7,5 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1 tiết, Viết: 2 tiết,

Nói và nghe: 1 tiết, Ôn tập: 0,5 tiết)

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về kiến thức**

- Kiến thức về thể loại tiểu thuyết, đặc điểm của tiểu thuyết hiện đại.

- Cách đọc tiểu thuyết hiện đại.

**2. Về năng lực**

**2.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,…

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tiểu thuyết.

**2.2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua việc thảo luận nhóm.

- Năng lực tự chủ và tự học thể hiện qua việc thực hiện các nhiệm vụ HT được giao, phần chuẩn bị bài ở nhà.

**3. Về phẩm chất**

Có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của các giá trị vật chất và tinh thần để ứng xử phù hợp.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 1: ĐỌC**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI**

*HAI QUAN NIỆM VỀ GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI*

*Ở VA-XAN*

*NGÀY 30 TẾT*

(Đọc mở rộng theo thể loại)

*ÁO DÀI ĐẦU THẾ KỈ XX* (Đọc kết nối chủ điểm)

***Thời gian thực hiện: 7,5 tiết***

**Tiết 62 – 64,5**

**VĂN BẢN 1. *HAI QUAN NIỆM VỀ GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI***

***(Vũ Trọng Phụng)***

*Thời gian thực hiện: 3,5 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Kiến thức về thể loại tiểu thuyết, đặc điểm của tiểu thuyết hiện đại.

- Cách đọc tiểu thuyết hiện đại.

**2. Về năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,…

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tiểu thuyết.

**1.2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua việc thảo luận nhóm.

- Năng lực tự chủ và tự học thể hiện qua việc thực hiện các nhiệm vụ HT được giao, phần chuẩn bị bài ở nhà.

**3. Về phẩm chất**

Có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của các giá trị vật chất và tinh thần để ứng xử phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Kiến thức về thể loại tiểu thuyết, đặc điểm của tiểu thuyết hiện đại.

- Cách đọc tiểu thuyết hiện đại.

**2. Học liệu**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- SGK, SGV.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm và mẫu PHT.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1. Hoạt động giới thiệu chủ điểm**

**a**. **Mục tiêu**: Nhận biết được chủ điểm của bài học.

**b. Nội dung:** Giới thiệu chủ điểm *“Trong ánh đèn thành thị”*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về chủ điểm của bài học.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** <https://vnews.gov.vn/video/di-cu-va-nhung-thach-thuc-dan-so-86015.htm>HS xem video và thảo luận theo nhóm đôi, trả lời câu hỏi sau: *Theo dòng thời gian, làn sóng di cư đến các thành thị vẫn diễn ra trên khắp thế giới. Theo bạn, những người di cư đến thành thị mong muốn, tìm kiếm điều gì? Trên hành trình tìm kiếm ấy, họ gặp những thuận lợi và thách thức gì?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS tìm câu trả lời, sau đó thảo luận với bạn cùng nhóm.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện nhóm trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV tổng hợp ý kiến của HS, dẫn dắt vào chủ điểm bài học *Trong ánh đèn thành thị*. | - Di cư từ nông thôn đến thành thị nguyên nhân chủ yếu do người dân tìm kiếm việc làm hoặc tìm kiếm một cuộc sống tốt hơn, văn minh hơn, hiện đại hơn,…  - Thuận lợi: đáp ứng được những nhu cầu trên nhờ những đóng góp vào quá trình tăng trưởng kinh tế nhanh.  - Thách thức: khó khăn về nơi ở, chăm sóc y tế, việc làm, có nguy cơ bị bóc lột, lạm dụng, phân biệt vùng miền, chủng tộc,… |

**2. Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập**

**a**. **Mục tiêu**: HS nhận biết nhiệm vụ HT.

**b. Nội dung:** Đọc hiểu 2 văn bản tiểu thuyết hiện đại.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** HS đọc lướt nhan đề, yêu cầu cần đạt, các VB sẽ học và xác định nhiệm vụ học tập.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  – Nhiệm vụ 1 của bài học: Học kĩ năng đọc hiểu tiểu thuyết qua các VB: *Hai quan niệm về gia đình và xã hội*; *Ở Va-xan*; *Ngày 30 Tết.*  –Nhiệm vụ 2 của bài học: Đọc VB *Áo dài đầu thế kỉ XX*, kết nối với nội dung các VB khác để hiểu thêm về chủ điểm *Trong ánh đèn thành thị*. | – Nhiệm vụ 1 của bài học: Học kĩ năng đọc hiểu tiểu thuyết qua các VB: *Hai quan niệm về gia đình và xã hội*; *Ở Va-xan*; *Ngày 30 Tết.*  –Nhiệm vụ 2 của bài học: Đọc VB *Áo dài đầu thế kỉ XX*, kết nối với nội dung các VB khác để hiểu thêm về chủ điểm *Trong ánh đèn thành thị*. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

1. **Mục tiêu:** Bước đầu nhận biết khái niệm tiểu thuyết, đặc điểm của thể loại tiểu thuyết và tiểu thuyết hiện đại.
2. **Nội dung:** Khái niệm và các đặc điểm của tiểu thuyết.
3. **Sản phẩm:** Phần thực hiện PHT của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Nhóm 2 HS đọc mục *tiểu thuyết, tiểu thuyết hiện đại* (SGK/ tr. 23 – 24) và hoàn thành PHT số 1.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Nhóm HS đọc SGK, điền vào PHT.  **B3. Báo cáo thảo luận** Đại diện các nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** | Phiếu HT số 1 đã hoàn thành. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, hàng  Mô tả được tạo tự động**TÌM HIỂU THỂ LOẠI TIỂU THUYẾT**     |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm thể loại tiểu thuyết (so với truyện ngắn)** | | | |  | **Truyện ngắn** | **Tiểu thuyết** | | Kích thước, dung lượng | Kích thước nhỏ, có thể đọc hết trong một lần đọc, xuất bản dưới dạng tập truyện | … | | Nhân vật | Thường chỉ có 1 – 2 nhân vật chính, chỉ giới hạn trong cái nhìn của một nhân vật trung tâm | … | | Cốt truyện | Thường đơn giản, cô đúc, xoay quanh một vài sự kiện chính, dồn nén mâu thuẫn trong một khoảng thời gian ngắn | … |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm tiểu thuyết hiện đại (so với tiểu thuyết trung đại)** | | | |  | **Tiểu thuyết trung đại** | **Tiểu thuyết hiện đại** | | Chữ viết | Chữ Hán là chủ yếu | … | | Chịu ảnh hưởng | Văn học Trung Quốc | … | | Kết cấu | Kết cấu chương hồi | … | | Cốt truyện | - Cốt truyện tuyến tính  - Đặc biệt chú trọng sự kiện và chi tiết đời sống | … | | Điểm nhìn | Ngôi thứ ba toàn tri | … | | Ngôn ngữ | Mang tính cách điệu, trau chuốt | ... |   **SỰ KẾT HỢP NGÔN NGỮ NGƯỜI KỂ CHUYỆN  VÀ NGÔN NGỮ LỜI NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT**  - Ngôn ngữ người kể chuyện phản ánh:  - Ngôn ngữ nhân vật phản ánh:  - Phân tích ví dụ về sự đan cài phức tạp giữa ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ của nhân vật trong cùng một câu văn hoặc đoạn văn:  *Chỉ có cặp vợ chồng Văn Minh là biết rõ sự thực, nhưng mà ở vào trường hợp há miệng mắc quai.* ***Tuyên bố rằng Xuân vốn là con nhà hạ lưu, làm nghề nhặt banh sân quần vợt, vì một trò dâm dục bỉ ổi mà phải đuổi? Chao ôi! Thế thì còn gì là tiệm may Âu hoá nữa!***(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)  à Về hình thức, những câu in đậm là lời của …………………………………….., nhưng lại phản ánh ngôn ngữ, giọng điệu, suy nghĩ của………...……………. |

**Dự kiến sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, hàng  Mô tả được tạo tự động  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **TÌM HIỂU THỂ LOẠI TIỂU THUYẾT**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm thể loại tiểu thuyết (so với truyện ngắn)** | | | |  | **Truyện ngắn** | **Tiểu thuyết** | | Kích thước, dung lượng | Kích thước nhỏ, có thể đọc hết trong một lần đọc, xuất bản dưới dạng tập truyện | Dung lượng lớn, khó có thể đọc hết trong một lần đọc, có thể xuất bản thành một ấn bản riêng | | Nhân vật | Thường chỉ có 1 – 2 nhân vật chính, chỉ giới hạn trong cái nhìn của một nhân vật trung tâm | – Số lượng nhân vật nhiều  – Kiểu nhân vật đời thường trong mối quan hệ đa dạng, số phận trọn vẹn với quá trình phát triển tính cách dài, phức tạp | | Cốt truyện | Thường đơn giản, cô đúc, xoay quanh một vài sự kiện chính, dồn nén mâu thuẫn trong một khoảng thời gian ngắn | Diễn biến cốt truyện phức tạp, nhiều tuyến truyện đan xen, xảy ra trong bối cảnh không gian rộng, thời gian dài |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đặc điểm tiểu thuyết hiện đại (so với tiểu thuyết trung đại)** | | | |  | **Tiểu thuyết trung đại** | **Tiểu thuyết hiện đại** | | Chữ viết | Chữ Hán là chủ yếu | Chữ Quốc ngữ | | Chịu ảnh hưởng | Văn học Trung Quốc | Văn học phương Tây | | Kết cấu | Kết cấu chương hồi | Kết cấu chương đoạn | | Cốt truyện | – Cốt truyện tuyến tính  – Đặc biệt chú trọng sự kiện và chi tiết đời sống | – Cốt truyện có thể tuyến tính hoặc phi tuyến tính  – Đặc biệt chú trọng đến thế giới nội tâm và sự phát triển tính cách nhân vật | | Điểm nhìn | Ngôi thứ ba toàn tri | Điểm nhìn đa dạng (ngôi thứ nhất hoặc thứ ba toàn tri, hạn tri, hoặc có sự kết hợp, di chuyển điểm nhìn) | | Ngôn ngữ | Mang tính cách điệu, trau chuốt | Dung nạp lời nói hằng ngày của mọi lớp người, kể cả tiếng lóng |   **SỰ KẾT HỢP NGÔN NGỮ NGƯỜI KỂ CHUYỆN  VÀ NGÔN NGỮ NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT**  – Ngôn ngữ người kể chuyện phản ánh: thái độ, quan điểm của người kể chuyện với câu chuyện và nhân vật.  – Ngôn ngữ nhân vật phản ánh: xuất thân, nền tảng văn hoá, tính cách, thái độ của nhân vật.  – Phân tích ví dụ về sự đan cài phức tạp giữa ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ của nhân vật trong cùng một câu văn hoặc đoạn văn:  *Chỉ có cặp vợ chồng Văn Minh là biết rõ sự thực, nhưng mà ở vào trường hợp há miệng mắc quai.* ***Tuyên bố rằng Xuân vốn là con nhà hạ lưu, làm nghề nhặt banh sân quần vợt, vì một trò dâm dục bỉ ổi mà phải đuổi? Chao ôi! Thế thì còn gì là tiệm may Âu hoá nữa!***(Vũ Trọng Phụng, *Số đỏ*)  à Về hình thức, những câu in đậm là lời của người kể chuyện, nhưng lại phản ánh ngôn ngữ, giọng điệu, suy nghĩ của nhân vật vợ chồng Văn Minh. |

– GV có thể đưa thêm ví dụ và giải thích những điểm HS còn chưa rõ. Sau đó, GV lưu ý HS sử dụng PHT số 1 để thực hành đọc hiểu VB tiểu thuyết trong Bài 7.

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1** ***Hai quan niệm về gia đình và xã hội***

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền về tác giả, bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội thời Pháp thuộc (bối cảnh của VB sẽ đọc); trình bày được tóm tắt tiểu thuyết *Số đỏ* và vị trí của đoạn trích *Hai quan niệm về gia đình và xã hội*.

**b. Nội dung: Kiến thức về tác giả Vũ Trọng Phụng và tác phẩm**

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Đọc:** Chọn nhóm HS đọc phân vai.  **2. Tác giả:** Mỗi HS đọc SGK trang 33 và gạch chân những từ khóa cần lưu ý về thông tin tác giả (có liên quan đến tác phẩm)  **3. Tác phẩm**  **-** Nhóm 2 HS đọc khung thông tin trong SGK/ tr. 25 – 26, vẽ sơ đồ tóm tắt cốt truyện *Số đỏ* theo PHT số 2.  **-** Mỗi HS quan sát hình ảnh trong SGK và nhận xét về trang phục, xe cộ, nhà cửa trong một hình ảnh góc phố Hà Nội thời Pháp thuộc (câu hỏi *Trước khi đọc*).  - Nhóm HS dựa vào sơ đồ đã vẽ, xác định vị trí VB *Hai quan niệm về gia đình* trong tiểu thuyết *Số đỏ*.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày theo hình thức cá nhân/ đại diện nhóm. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả: Vũ Trọng Phụng (1912-1939)**  - Một trong những đại diện xuất sắc nhất của VHHT Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX.  - Sáng tác:  + Thể loại: Truyện ngắn, kịch, tiểu thuyết, phóng sự.  + Nội dung: đề cập những vấn đề nóng bỏng, nhức nhối của XH đương thời.  + Giọng văn sắc sảo, có phần đắng cay, chua chát.  **2. Văn bản**  - Hoàn thành PHT số 2  - Vị trí đoạn trích: Chương V của tiểu thuyết Số đỏ.  - Nhận xét trang phục, xe cộ, nhà cửa góc phố Hà Nội thời Pháp thuộc: Có sự pha trộn giữa phương Đông và phương Tây: Trang phục: áo dài, áo vest; xe cộ: phương tiện chủ yếu là xe đạp; nhà: kiến trúc Châu Âu pha trộn với nhà truyền thống của người Việt. |

**Phiếu HT số 2**

|  |
| --- |
|  |
|  |  |

|  |
| --- |
|  |
|  | Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, hàng  Mô tả được tạo tự độngẢnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, số  Mô tả được tạo tự động |

**Phiếu HT số 2:** Câu chuyện kể về cuộc đời của Xuân Tóc Đỏ:

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định cốt truyện của đoạn trích *Hai quan niệm về gia đình và xã hội.*

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại: diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung VB.

- Nhận biết và phân tích được ngôn ngữ của tiểu thuyết hiện đại.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tiểu thuyết.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu; đánh giá vai trò của các chi tiết tiêu biểu trong việc thể hiện nội dung VB.

- Trình bày được các đặc điểm phong cách hiện thực trong VB.

**b. Nội dung:** Các đặc trưng của tiểu thuyết thông qua văn bản.

**c. Sản phẩm:** Kết quả đọc, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: *Tìm hiểu cốt truyện***  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm 2 HS hoàn thành 2 nhiệm vụ học tập sau:  (1) Xác định bố cục và tóm tắt các sự kiện chính trong đoạn trích *Hai quan niệm về gia đình và xã hội.*  (2) Trả lời câu hỏi 1, SGK/ tr. 32: Đoạn đối thoại giữa Xuân Tóc Đỏ và ông bà Văn Minh, ông Typn về công việc trong tiệm may diễn ra vào lúc nào và có vai trò gì đối với câu chuyện được kể trong VB?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện theo trình tự (1) à (2).  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện các nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận về hoạt động tìm hiểu cốt truyện của đoạn trích như sau: | **II. Khám phá văn bản**  **1.** **Về bố cục và các sự kiện chính trong VB**   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục văn bản** | **Các sự kiện chính** | | Phần 1 (Từ đầu đến “Ngây thơ!”: ông bà chủ tiệm may Âu hoá và ông Typn dặn dò Xuân Tóc Đỏ về những công việc ở tiệm may như một cách “giúp sức xã hội trong cuộc Âu hoá”) | – Vợ chồng Văn Minh giao việc ở tiệm Âu hoá cho Xuân Tóc Đỏ, bên ngoài là “giúp sức xã hội trong cuộc Âu hoá” nhưng thực ra là trông tiệm và phủi bụi.  – Typn hướng dẫn Xuân Tóc Đỏ học thuộc thiết kế và tên gọi các bộ trang phục trong tiệm may Âu hoá để bán hàng và “chỉ bảo cho khách có một cái gu”. | | Phần 2 (Từ “Giữa lúc ấy có một thiếu phụ…” đến hết): Cuộc gặp gỡ giữa Xuân Tóc Đỏ với vợ ông Typn, thái độ đầy mâu thuẫn của ông Typn. | – Vợ ông Typn bước vào tiệm may, Xuân Tóc Đỏ giới thiệu với bà những bộ trang phục tân thời của tiệm.  – Ông Typn bước vào tức giận, từ đó bày tỏ triết lí “chia gia đình với xã hội ra làm hai”, cấm vợ ăn mặc tân thời theo những bộ trang phục do chính ông thiết kế. |   **2. Câu hỏi 1, SGK/ tr. 32**  – Thời điểm: buổi trưa.  – Ý nghĩa: Với ông bà Văn Minh, đây là lúc giao cho Xuân một công việc thực chất chỉ là dọn dẹp, lau chùi nhưng được khoác lên cái vỏ mĩ miều “giúp xã hội trong việc Âu hoá”. Với ông Typn, đây là lúc giao cho Xuân làm “văng-đơ” bán hàng nhưng được khoác lên cái vỏ mĩ miều “chỉ bảo cho khách có một cái gu” à Đoạn đối thoại này chuẩn bị cho Xuân không chỉ kiến thức về các mốt thời trang, mà còn giúp hắn nhận thấy sự “hai mặt” của tiệm may Âu hoá và công việc cải cách thời trang này, giúp hắn phát huy triệt để sự “hai mặt” ấy trong đoạn tiếp theo. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 2: *Tìm hiểu nhân vật trong tiểu thuyết***  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm (5 – 6 HS) thảo luận và hoàn thành câu 2, 3, 4 SGK/ tr. 32 – 33.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm, hoàn thành các câu hỏi 2,3,4 SGK/tr.32-33  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện các nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận về đáp án các câu hỏi. | **3. Câu 2:**Với kinh nghiệm bán báo dạo, bán thuốc lậu, nhặt bóng ở sân quần vợt,... Xuân có lợi thế là tinh ranh, quan sát giỏi, khéo nói, khéo nịnh nọt, phản ứng nhanh nhạy. Đó là những đặc tính hắn thu nhận được từ đời sống lang thang trên lề đường.  Xuân chiếm được lòng tin của vợ ông Typn nhờ tinh ranh, nhanh chóng học được từ ông bà Văn Minh và ông Typn cách tự tô vẽ cho bản thân những giá trị mình không có (ưỡn ngực lên, giấu cái chổi lông gà sau lưng, nghiêm trang: Tôi?... Là... là... một người dự phần trong việc Âu hoá); quan sát giỏi (Xuân Tóc Đỏ nhìn qua cái áo dài giản dị, cổ áo không thuộc mốt lá sen cũng như không thuộc mốt bánh bẻ, cái quần trắng giản dị, kín đáo, đôi giầy nhung đen không cầu kì mấy, thì chỉ thấy nó có vẻ đứng đắn thôi); phản ứng nhanh nhạy, nắm bắt tâm lí không hài lòng về chồng của bà Typn để bán hàng (Bà là vợ ông Típ-phờ-nờ mà ăn vận thế, e còn là hủ lậu đấy… thế là một sự trở ngại trên đường tiến hoá! Mà muốn phản đối lại việc ấy, bà chỉ còn có một cách là chiếu cố đến bản hiệu mà may ngay một bộ quần áo…); khéo nói và khéo nịnh nọt (nói như một cái kèn hát, tôi xin che chở phái đẹp trong cuộc Âu hoá,…).  **4. Câu 3:** Công việc ở tiệm may dạy cho Xuân về những giá trị ảo, loè loẹt nhưng rỗng tuếch của xã hội thượng lưu Hà Nội thời thuộc địa và sự mánh khoé, giả dối, hai mặt của xã hội đó. Điều này thể hiện cả ở vợ chồng Văn Minh, ông Typn và ông nhà báo. Trong đoạn trích, có thể thấy Xuân đã học rất nhanh những cái tên loè loẹt (*Ngây thơ*, *Chinh phục*,…) của những bộ trang phục vốn dĩ chỉ là lố lăng, hở hang; những mánh khoé bán hàng bằng cách lên mặt ban ơn cho khách hàng và xã hội (chỉ bảo cho khách có một cái gu, cải cách xã hội, có trách nhiệm quốc dân văn minh hay là dã man,…). Đồng thời, Xuân cũng hiểu rất nhanh cái gọi là giá trị “văn minh”, đó chỉ là cái vỏ giả dối che đậy sự ích kỉ, bảo thủ bên trong. Tất cả điều đó được Xuân vận dụng triệt để trong hành trình tiến thân sau này, khi hắn ta dùng mánh khoé và sự giả dối của giai cấp thượng lưu để lừa gạt chính họ, leo lên vị trí rể nhà Văn Minh và “anh hùng cứu quốc”.  **5. Câu 4:** |

**Câu 4:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ứng xử của ông Typn** | **Lời nói** | **Hành động** |
| Với Xuân | – “... anh phải biết tên các đồ hàng, các mốt y phục, để cho khách vào hàng thì có thểchỉ bảo cho khách có một cái gu!”  – “Mỗi khi có một người bằng lòng may một bộ y phục tân thời, thế là nước nhà lạicó thêm một người tiến bộ.”  – “Lạm quyền! Đấy là công việc của tay-ơ, là của tôi! Là của một mình tôi!” | – Trợn mắt, so vai, trỏ mặt Xuân.  – Lôi đến trước một chiếc ma-nơ-canh. |
| Với bà Typn | – “Câm đi! Thối chưa?”  – “Khi người ta nói phụ nữ ... là nói vợ con chị em người khác, chứ không phải vợ con chị em của ta!”  – “Đàn bà cứ nhốt trong buồng.” | Lôi lấy tay vợ ông, kéo xềnh xệch ra cửa, hầm hầm gắt mắng. |

– Tính cách của ông Typn: Thô bạo, lỗ mãng với người yếu thế hơn mình (như Xuân và vợ mình), nhưng lại tỏ ra kẻ cả, cao ngạo, đạo đức giả.

– Quan niệm của ông Typn về việc “cải cách trang phục” và “cải cách xã hội”: Phụ nữ cần thay đổi trang phục tân thời, nhưng vợ ông thì không; xã hội cần Tây hoá, nhưng gia đình ông vẫn phải theo lối cổ (điều đó thể hiện cả trong lời nói lẫn trong cách hành xử thô bạo, áp đặt của ông đối với vợ). Như vậy, có thể thấy lời kêu gọi cải cách của ông chỉ là giả dối, sáo rỗng, là một cách để ông khoe khoang cái danh xưng nhà mĩ thuật “tiến bộ”.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 3: *Tìm hiểu ngôn ngữ trong tiểu thuyết* B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm 2 HS trả lời câu hỏi 7 (SGK/ tr. 33).  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm, hoàn thành các câu hỏi 2,3,4 SGK/tr.32-33  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện các nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận về đáp án các câu hỏi. | **6. Câu 7** Ngôn ngữ, lời nói của các nhân vật trong đoạn trích cho thấy sự mâu thuẫn giữa hai kiểu ngôn ngữ khác nhau, một bên sang trọng, hào nhoáng, một bên tầm thường, thô thiển:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Ông bà Văn Minh | *Từ đây mà đi xã hội văn minh hay dã man là trách nhiệm ở anh!* | *cầm cái chổi này... mà phủi bụi…* | | Ông Typn | *Mỗi khi có một người bằng lòng may một bộ y phục tân thời, thế là nước nhà lại có thêm một người tiến bộ.* | *– Hở cánh tay và hở cổ… Hở đến nách và hở nửa vú…*  *– Rõ đồ khốn! Tưởng bở! Đòi nay mốt này, mai mốt khác để làm túi cơm giá áo à?* | | Xuân Tóc Đỏ | *– Tôi?... Là... là... một người dự phần trong việc Âu hoá.*  *– Một người cải cách xã hội... có trách nhiệm quốc dân văn minh hay là dã man.* | *– Chả nước mẹ gì cả!*  *– Mẹ kiếp! Quần với chả áo!* |   So với các tác phẩm tự sự trung đại (ngôn ngữ trau chuốt, thuần nhất, hầu như các nhân vật đều nói cùng một kiểu ngôn ngữ), thì *Số đỏ* cho thấy một hình thức ngôn ngữ phong phú, sinh động, phức tạp, dung chứa những thành tố mâu thuẫn nhau tạo ra tiếng cười.  GV kết luận, nhận định về đặc điểm ngôn ngữ của tiểu thuyết hiện đại và những lưu ý khi tìm hiểu ngôn ngữ của tiểu thuyết hiện đại. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 4:** ***Tìm hiểu chủ đề, thông điệp của văn bản***  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Nhóm 2 HS thảo luận, trả lời câu hỏi 5, 6 (SGK/ tr. 33).  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Nhóm HS tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện các nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận về đáp án các câu hỏi. | **7. Câu 5:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Hành động** | **Lời nói** | | Vợ chồng Văn Minh | Giao việc cho Xuân nhưng không cho Xuân ăn cơm trưa. | *Trước khi có thể giúp chúng tôi về thể thao, anh hãy cố sức giúp xã hội trong cuộc Âu hoá. Anh phải nhớ kĩ rằng hôm nay trở đi thì anh đã dự một phần vào cuộc cải cách xã hội rồi. Từ đây mà đi xã hội văn minh hay dã man là trách nhiệm ở anh!*; *Thế nghĩa là lúc nào rỗi thì cầm cái chổi này... mà phủi bụi những súc lụa, những quần áo ở ma-nơ-canh.* | | Nhà báo | Hô hào cải cách trên báo nhưng ủng hộ ông Typn ghen tuông (chỉ vì bà Typn nói chuyện với Xuân) và ủng hộ ông Typn áp đặt bà Typn. | *Thật không thể tha thứ được!*; *Phụ nữ nghĩa là vợ con chị em người khác, chứ không phải vợ con chị em của tôi. Gia đình tôi thì cứ phải theo cổ…* |   **8. Câu 6:** Xuân Tóc Đỏ không hiểu “nghĩa lí cái việc cải cách của ông cai thợ may” vì từ nhỏ đến lớn, hắn chỉ đi làm thuê lặt vặt, chưa từng tham gia vào guồng máy kiếm lợi bằng cách lừa dối cả xã hội như ông bà Văn Minh, ông Typn hay ông nhà báo (lợi ở đây bao gồm cả tiền bạc lẫn danh vọng). Ông bà Văn Minh và ông Typn cần khách đến cửa hàng may mặc để kiếm tiền, và cũng cần cái tiếng “cải cách xã hội” như chính cái tên hào nhoáng mà họ đặt cho mình. Ông nhà báo cần khách đặt viết bài quảng cáo hiệu may, cần bạn đọc mua báo và cũng cần cái danh “nhà báo tiến bộ”. Vì vậy, họ tâng bốc, tung hô những giá trị ảo như “văn minh”, “Âu hoá” để cả xã hội chạy theo như những con thiêu thân, từ đó kiếm lợi cho mình.  Người kể chuyện thể hiện rõ thái độ mỉa mai và quan điểm coi cuộc cải cách Âu hoá chỉ là một sự lừa dối đối với xã hội. Ngôn ngữ trong VB cho thấy rõ thái độ này: “cơn ghen đích đáng của những nhà nghệ sĩ chân chính”, “Bà vợ nhà mĩ thuật lúc ấy tức giận như vợ những nhà mĩ thuật”, “Ông nhà báo nói một cách quả quyết như những nhà văn sĩ cấp tiến”,… Nghĩa là so sánh đối tượng với chính nó, từ đó ám chỉ cách hành xử của các nhân vật này cũng chính là cách hành xử chung của loại người đó, tầng lớp đó trong toàn xã hội. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 5: *Tìm hiểu đặc điểm phong cách hiện thực trong văn bản* B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Cá nhân HS trả lời câu hỏi 8, SGK/ tr. 33 theo mẫu sau:  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm, hoàn thành các câu hỏi 2,3,4 SGK/tr.32-33  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện các nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV kết luận về đáp án các câu hỏi. | **9. Câu 8:** Đặc điểm phong cách hiện thực trong văn bản như sau:  *Về đề tài và cảm hứng*: Viết về cuộc sống đời thường chân thực, thường hàm chứa những mâu thuẫn xã hội gay gắt, với cảm hứng phê phán, bóc trần những mặt khuất tối của thực tại.  VB *Hai quan niệm về gia đình và xã hội* tập trung miêu tả một khía cạnh của cuộc sống đô thị Hà Nội thời Pháp thuộc, đó là cuộc cải cách văn hoá nói chung và cải cách thời trang nói riêng, từ đó phê phán, bóc trần sự giả dối, kệch cỡm của cuộc cải cách văn hoá này. Cuộc cải cách mang danh “văn minh” đã dẫn đến hàng loạt những xáo trộn trong nhận thức con người và đời sống gia đình, phá vỡ nền tảng văn hoá truyền thống, xói mòn quan hệ giữa người với người. Thực tại trong VB là một thực tại lem nhem giữa cũ và mới, giữa bảo thủ và cấp tiến, truyền thống và hiện đại, tất cả các giá trị đều được hiểu theo kiểu cực đoan nửa mùa.  *Về nguyên tắc tổ chức hệ thống hình ảnh, từ ngữ, nhân vật*: Tập trung xây dựng những tính cách và hoàn cảnh điển hình, vừa sống động, độc đáo lại vừa phổ quát, đại diện cho những hoàn cảnh, tính cách, số phận phổ biến trong xã hội.  Ông Typn đại diện cho lớp trí thức Tây học nửa mùa mới nổi trong xã hội thuộc địa, hô hào đổi mới xã hội theo chuẩn mực văn minh phương Tây trong khi không thực sự hiểu sâu sắc về nền văn minh đó. Xuân Tóc Đỏ đại diện cho kiểu người lưu manh, cơ hội, ngoi lên nhờ lợi dụng sự giả tạo và ham mê hư vinh của xã hội.  Các thủ pháp trào phúng góp phần tô đậm chủ đề này qua cái nhìn châm biếm, mỉa mai, và tiếng nói đả kích mạnh mẽ: thủ pháp tạo tình huống trào phúng (tình huống va chạm, xung đột giữa một bên là sự giản dị của bà Typn, đại diện cho “quan niệm về gia đình” và một bên là công cuộc cải cách của ông Typn, đại diện cho “quan niệm về xã hội”); thủ pháp phóng đại (bán quần áo là “cố sức giúp xã hội trong cuộc Âu hoá”, “dự một phần vào cải cách xã hội”,…), thủ pháp tương phản (tương phản giữa cái tên hào nhoáng của các bộ y phục và bản chất lố lăng của chúng, tương phản giữa sự ngây ngô của Xuân và sự ngưỡng mộ của bà Typn, tương phản giữa lời lẽ chợ búa vốn thuộc về bản chất của Xuân và lời lẽ thượng lưu Xuân học lóm được, giữa những lời hô hào đổi mới của ông Typn với mọi người và sự gia trưởng của ông đối với vợ,…), thủ pháp sử dụng ngôn ngữ mỉa mai, giễu nhại (*bà vợ nhà mĩ thuật tức giận như vợ của những nhà mĩ thuật*, *ông nhà báo nói một cách quả quyết như những nhà văn sĩ cấp tiến*,…). |

**2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại các đặc điểm tiểu thuyết hiện đại đã học qua việc đọc VB *Hai quan niệm về gia đình và xã hội;* biết cách đọc trước ở nhà VB *Ở Va-xan.*

**b. Nội dung:** Các đặc điểm của tiểu thuyết.

**c. Sản phẩm:** Bảng khái quát của HS; phần ghi chép của HS về cách đọc trước VB *Ở Va-xan*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**(1) Nhóm HS: Khái quát đặc điểm tiểu thuyết hiện đại đã học qua việc đọc VB *Hai quan niệm về gia đình và xã hội* dựa vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Đặc điểm tiểu thuyết hiện đại** | **Thể hiện qua văn bản *Hai quan niệm về gia đình và xã hội*** | | 1 | Kết cấu chương đoạn hiện đại, chịu ảnh hưởng văn học phương Tây | … | | 2 | Chú trọng đến thế giới nội tâm và sự phát triển tính cách nhân vật | … | | 3 | Ngôn ngữ dung nạp lời nói hằng ngày của mọi lớp người, kể cả tiếng lóng, phương ngữ | … | | 4 | Nhân vật đời thường trong mối quan hệ đa dạng, số phận trọn vẹn, quá trình phát triển tính cách dài, phức tạp | … |   (2) Cá nhân thực hiện hoạt động trước khi đọc và đọc VB *Ở Va-xan*, chuẩn bị cho tiết sau.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  (1) Nhóm HS thực hiện ở nhà.  (2) Cá nhân HS thực hiện ở nhà.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS công bố sản phẩm bảng khái quát trên trang Padlet của lớp.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV và các HS nhận xét các sản phẩm nhóm bằng chức năng bình luận và thả kí hiệu cảm xúc. | **III. Tổng kết**  HS hoàn thành bảng theo gợi ý của GV |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**

- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về sự khác biệt giữa tiểu thuyết và truyện ngắn.

**b. Nội dung:** Sự khác biệt giữa tiểu thuyết và truyện ngắn.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Cá nhân HS viết đoạn văn về sự khác biệt giữa truyện ngắn và tiểu thuyết.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Cho HS thảo luận cặp đôi về sự khác biệt giữa truyện ngắn và tiểu thuyết.  - Cá nhân HS viết 1 đoạn văn.  **B3. Báo cáo thảo luận**  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** | Đoạn văn của HS theo yêu cầu của GV. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức, năng lực vào thực tế cuộc sống.

**b. Nội dung:** Thiết kế bộ trang phục phù hợp với bối cảnh, hoặc thuyết trình về cách ứng xử của giới trẻ về một trào lưu văn hóa du nhập từ nước ngoài.

**c. Sản phẩm:** Mẫu thiết kế bằng hình ảnh, video; bài thuyết trình,…

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  HS thực hiện theo nhóm để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Nhóm 5-6 HS lựa chọn chủ đề theo gợi ý của GV để thực hiện sản phẩm.

**B3. Báo cáo thảo luận:** Nhóm báo cáo trước lớp.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Sản phẩm của HS.

**4. Củng cố**

**5. HDVN**

Ngày soạn:

**Tiết**

**VĂN BẢN 2**

***Ở VA-XAN (VAUXHALL)***

**(Trích *Hội chợ phù hoa*)**

**- Uy-li-am Thác-cơ-rây -**

*Thời gian thực hiện: 3 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại như ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,…Các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

**2. Về năng lực**

* 1. **Năng lực đặc thù**
* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,…
* Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
* Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tiểu thuyết.
  1. **Năng lực chung**
* Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua việc thảo luận nhóm.
* Năng lực tự chủ và tự học thể hiện qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, phần chuẩn bị bài ở nhà.

**3. Về phẩm chất**

Có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của các giá trị vật chất và tinh thần để ứng xử phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

**2. Học liệu**

* SGK, SGV
* Văn bản đọc 2: Ở Va-xan

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kích hoạt kiến thức nền của HS về chủ đề của văn bản sẽ đọc; chuẩn bị tâm thế đọc.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi phần Trước khi đọc, qua đó trình bày những ý kiến ban đầu của bản thânvề hành trình đi tìm chỗ đứng trong xã hội thể hiện qua văn bản.

**c. Sản phẩm:** Phần trả lời câu hỏi *Trước khi đọc* của HS (Cá nhân HS thực hiện hoạt động trước khi đọc và đọc VB *Ở Va-xan* ở nhà, đến tiết học trình bày trước lớp)

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *Bạn có biết câu chuyện nào về hành trình của những con người xuất thân nghèo khổ, đi tìm chỗ đứng trong xã hội thành thị không? Theo bạn, những người như vậy có thể gặp những cơ hội và những thách thức nào trong hành trình tìm kiếm thành công?*  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS xem lại sản phẩm đã chuẩn bị ở nhà, chỉnh sửa, bổ sung nếu cần, sau đó trình bày trước lớp.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS xem lại sản phẩm, chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần), chuẩn bị trình bày.  **B3. Báo cáo, thảo luận**  Cá nhân HS trình bày sản phẩm. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  -GV tổng kết ý kiến của HS.  - GV hướng dẫn HS đọc khung tóm tắt tiểu thuyết *Hội chợ phù hoa* (SGK/ tr. 34), xác định cốt truyện của tiểu thuyết và vị trí, nội dung chính của đoạn trích. GV cung cấp thêm tri thức về bối cảnh văn hoá xã hội nước Anh vào thế kỉ XIX, tập trung vấn đề ước mơ dấn thân vào xã hội thượng lưu và dẫn dắt vào phần đọc VB. | - “The Great Gatsby” của F. Scott Fitzgerald, kể về Jay Gatsby, một người đàn ông từng là cậu bé nghèo khổ và đã trở nên giàu có một cách bí ẩn. Trong hành trình của mình, Gatsby gặp phải cả cơ hội và thách thức: cơ hội để thể hiện bản thân và tạo dựng mối quan hệ, nhưng cũng đối mặt với sự đố kỵ, sự phân biệt giai cấp và cuối cùng là sự cô đơn và bi kịch.  *-“*Bắt trẻ đồng xanh” của J.D Salinger đã nói về hành trình câu chuyện của Holden Caulfield, một cậu thiếu niên 16 tuổi bị đuổi học khỏi trường trung học Pencey Prep ở Pennsylvania. Holden sau đó đi lang thang khắp thành phố New York, suy ngẫm về cuộc sống và trải nghiệm của mình.  Vào thế kỷ XIX, dân số của nước Anh đã gia tăng một cách mạnh mẽ, cùng với đó quá trình đô thị hoá nhanh chóng đã gây nên những căng thẳng nghiêm trọng về cả kinh tế cũng như xã hội. Từ những thương nhân giàu có đến những vị quý tộc danh giá, tất cả thành phần trong xã hội thượng lưu Anh thế kỉ XIX đều chạy theo sức mạnh tối thượng của đồng tiền và danh vọng. Đó là hai thế lực có tác dụng nhào nặn tâm lý của con người để đúc theo một cái khuôn chung và biến cuộc đời thành một cái chợ, trong đó mọi thứ quan hệ đều là những món hàng hóa hào nhoáng khiến ai nấy đều phải choáng ngợp vì sự lộng lẫy của chúng. Trong cái hội chợ ấy, nếu bản thân không chống lại được sự cám dỗ thì sẽ bị cuốn đi vào vòng xoáy ảo tưởng, những phù phiếm của cuộc đời. Rebecca chính là một bài học cho sự trưởng thành và trả giá đầy buồn bã ấy.  Đoạn trích trích từ chương VI, kể về chuyến đi chơi của Re-bec-ca cùng mọi người, cô lợi dụng sự ngây thơ, cả tin của hai anh em A-mê-li-a để bước chân vào gia đình giàu có và cuối cùng, tuy không đạt được mục đích nhưng cô cũng không ra đi trắng tay. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu**

- Sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi thực hiện các yêu cầu trong *Đọc VB*.

- Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, VB *Ở Va-xan.*

**b. Nội dung**

**c. Sản phẩm**

- Phần ghi chú, phần trả lời các yêu cầu *Suy luận, Dự đoán, Tưởng tượng*. (HS đã thực hiện đọc và trả lời các yêu cầu ở nhà, sau đó trình bày trên lớp)

- HS nêu được những thông tin cơ bản về tác giả, văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Đọc:**  Phần ghi chú, phần trả lời các yêu cầu *Suy luận, Dự đoán, Tưởng tượng* (HS đã thực hiện đọc và trả lời các yêu cầu ở nhà, sau đó trình bày trên lớp)  **2. Tác giả**  **3. Văn bản**  - GV yêu cầu HS tìm thông tin về tác giả, thông tin văn bản trong phần chuẩn bị bài trước khi đến lớp.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc sgk tìm thông tin trước khi đến lớp.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời 2 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Uy-li-am Thác-cơ-rây (1811 – 1863), nhà văn trào lộng xuất sắc nước Anh thế kỉ XIX.  - Sinh ra tại Can-cút-ta (Ấn Độ), 5 tuổi qua Luân Đôn (Anh) học tập, có nhiều bất mãn với xã hội tư sản Anh.  - Tác phẩm nổi tiếng: *Hội chợ phù hoa*  **2. Văn bản**  - *Ở Va-xan* trích tiểu thuyết *Hội chợ phù hoa* (1848).  - Vị trí: Chương 6  - Tóm tắt   * Tiểu thuyết *Hội chợ phù hoa*   Tiểu thuyết *Hội chợ phù hoa* của nhà văn Anh Thác-cơ-rây xoay quanh hành trình của cô gái nghèo Rê-béc-ca Sáp đi tìm chỗ đứng trong xã hội thượng lưu Anh thế kỉ XIX. Xinh đẹp, thông minh, khôn khéo, Rê-béc-ca vạch ra nhiều kế hoạch tiếp cận các chàng trai giàu có để tiến thân. Người đầu tiên cô tìm cách quyến rũ là Giô Sét-lây, anh ruột của A-mê-li-a Sét-lây – bạn thân của cô. Kế hoạch lấy Giô không thành do bị Gioóc Ốt-xbon phá hoại, Rê-béc-ca đành đi làm gia sư cho gia đình quý tộc Pít Crâu-lây, sau đó quyến rũ và lấy con trai cụ Pít, tức anh chàng Râu-đân Crâu-lây mê cờ bạc. Tuy không được thừa kế, nhưng Rê-béc-ca cũng bắt đầu cuộc sống xa hoa bằng cách lợi dụng danh tiếng dòng họ nhà chồng để bày ra nhiều mánh khóe nhằm vay nợ và giúp chồng cờ bạc gian lận. Sau chiến tranh, tuy đã có chồng con nhưng cô vẫn kiếm tiền bằng cách hẹn hò với nhiều người đàn ông giàu có, cho đến khi chồng cô phát hiện và cắt đứt quan hệ với cô. Trong khi đó, cô bạn A-mê-li-a kết hôn cùng Gioóc Ốt-xbon với sự giúp đỡ của Đô-bin, bạn Gioóc. Sau khi Gioóc tử trận trong cuộc chiến Oa-tơ-lu, cha A-mê-li-a phá sản, cô vẫn ở vậy thờ chồng nuôi con.  Hai người phụ nữ gặp lại nhau, Rê-béc-ca nhận ra giá trị của Đô-bin, bạn Gioóc và thuyết phục A-mê-li-a tái giá với anh. Còn bản thân Rê-béc-ca, bị bạn bè, chồng con xa lánh, nhưng cô vẫn tiếp tục quyến rũ Giô Sét-lây cho đến khi anh ta qua đời và để lại cho cô một gia sản lớn.   * Văn bản *Ở Va-xan*   Văn bản kể về chuyến đi chơi của Rê-béc-ca với anh em giô và A-mê-li-a Sét-lây, cùng Gioóc Ốt-xbon – người mà A-mê-li-a say mê và Đại úy Đô-bin, bạn của Gioóc. Rê-béc-ca cố gắng gợi ý để Giô cầu hôn mình nhưng không thành công. |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết, phân tích được điểm nhìn và đặc điểm người kể chuyện trong tiểu thuyết hiện đại.

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung VB.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tiểu thuyết.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm để hoàn thành các phiếu học tập, trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Phần thực hiện PHT, kết quả thảo luận nhóm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: *Tìm hiểu điểm nhìn và người kể chuyện***  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm 2 HS trả lời câu hỏi 1 và 2 SGK/ tr. 40.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Cá nhân tìm câu trả lời, sau đó trao đổi cùng bạn trong nhóm.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV kết luận, nhận định về đáp án của các câu hỏi | **II. Khám phá văn bản**  **1. Điểm nhìn và người kể chuyện**  - Điểm nhìn ngôi thứ nhất (người kể chuyện xưng “tôi”).  - Người kể chuyện: kể câu chuyện theo cái nhìn toàn tri  è Vừa thâm nhập vào đời sống tâm lí của các nhân vật, vừa bình luận, trò chuyện trực tiếp với độc giả về cách xây dựng cốt truyện, cách tạo dựng nhân vật, cách kể chuyện,… |
| **Nhiệm vụ 2: *Tìm hiểu nhân vật***  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm HS (5 – 6 HS), đọc VB và hoàn thành PHT 1: câu 3, 5, 6, 7)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV kết luận, nhận định về đáp án các câu hỏi | **2. Các nhân vật**  **2.1. Tính cách nhân vật**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Chi tiết** | **Nét tính cách** | | Giô | - “đỏ mặt” khi mọi người cười  - không đủ can đảm ngỏ lời với Rê-béc-ca hay tâm sự với em gái  - say xỉn và cư xử lỗ mãng, hôm sau xấu hổ viết thư xin lỗi và bỏ đi | ngây ngô, nhút nhát, hời hợt, nông nổi | | Rê-béc-ca | - khoác tay Giô  - kêu thét lên, lùi lại, ngã ngay vào cánh tay Sét-lây  - bày tỏ mong muốn đi Ấn Độ  - ngần ngại vừa đủ rồi nhận tất cả quà | giàu tham vọng, khôn khéo, giỏi thao túng người khác | | A-mê-li-a | - tán thành cuộc hôn nhân của anh trai, sẵn sàng lắng nghe anh tâm sự  - kể mọi việc với bà quản gia  - hớn hở vì được đi với Gioóc  - khóc tấm tức khi Giô bỏ đi  - tặng cho Rê-béc-ca rất nhiều quà, kể cả của hồi môn tương lai | ngây thơ, cả tin, trong sáng, nhân hậu | | Gióoc | Nhờ Đô-bin giữ đồ cho mọi người | cơ hội, lợi dụng | | Đô-bin | - Giữ khăn quàng và trả tiền vào cửa  - kín đáo đi sau lưng mọi người  - nhìn A-mê-li-a vui vẻ đi bên Gioóc với niềm hân hoan của một người cha  - hát lại điệu hát của A-mê-li-a | rộng lượng, bao dung, khiêm nhường, nhân hậu |   **2.2. Các phương diện xây dựng nhân vật**  - Ngoại hình: Giô bệ vệ, béo phị, hay đỏ mặt,…  - Hành động: Giô muốn tâm sự với em gái nhưng không dám.  - Suy nghĩ: A-mê-li-a chờ anh tâm sự với mình, đi nói chuyện với bà quản gia,…  - Lời nói: “Em thèm được sang Ấn Độ quá”,...  - Suy nghĩ của người khác về nhân vật: ông Sét-lây chê Giô “phù phiếm, ích kỉ, lười biếng,…”.  **è Thác-cơ-rây xây dựng chân dung nhân vật hoàn chỉnh và sinh động thông qua những chi tiết sống động được tái hiện trong tưởng tượng của độc giả, như những con người bằng xương bằng thịt.**  **2.3. Thái độ của người kể chuyện với các nhân vật**  **- Với Rê-béc-ca:** “nhận tất cả mọi vật A-mê-li-a tặng mình, sau khi cũng đã ngần ngại và miễn cưỡng *một cách vừa đủ*”.  **- Với Giô:** “thở dài *thật to* và quay đi làm cho cô em gái cũng đến phát chán”, “anh chàng đỏ mặt cắp tay Rê-béc-ca đi, trông dáng điệu *càng thêm bệ vệ, hiên ngang*”, “anh ta lại kể thêm *ít nhất là lần thứ sáu* rất nhiều chuyện Ấn Độ sở trường của anh”.  **- Với A-mê-li-a:** “A-mê-li-a rất tán thành cuộc hôn nhân của anh trai, *đúng như tính tình khôn ngoan của một thiếu nữ trẻ tuổi như cô ta*”.  **- Với Đô-bin:** “anh chàng Đô-bin thực thà đành *vui lòng* đưa tay nhận lấy đống khăn quàng và trả tiền vào cửa cho cả bọn”.  è **Người kể chuyện thường xuyên sử dụng cách nói ngược hoặc kết nối những từ ngữ, hình ảnh trái ngược nhau để tỏ thái độ mỉa mai giễu cợt đối với các nhân vật.** |
| **Nhiệm vụ 3: *Tìm hiểu chủ đề, thông điệp của văn bản***  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Cá nhân HS trả lời câu hỏi 4 SGK/ tr. 40.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Cá nhân HS suy nghĩ tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS trình bày ý kiến. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV kết luận, nhận định về đáp án. | 1. **Chủ đề, thông điệp của văn bản**   **Chủ đề:** Thế giới phù hoa giả dối của đô thị Anh đầu thế kỉ XIX và sự tha hoá của con người khi theo đuổi những tham vọng vật chất.  **Thông điệp:** Nhắc nhở người đọc về sự hủy hoại của những giá trị đạo đức khi con người bị cuốn vào cuộc truy tầm địa vị, tiền tài, danh vọng. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân, khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên yêu cầu học sinh dựa trên việc khám phá văn bản hãy khái quát lại nội dung và nghệ thuật của văn bản  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh làm việc cá nhân  **B3. Báo cáo thảo luận**  Giáo viên gọi HS trình bày. Các học sinh còn lại nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá và chốt ý | **III. Tổng kết**   1. **Nội dung**   Chuyến đi chơi của Re-bec-ca cùng mọi người, Rê-béc-ca khao khát tiền tài, danh vọng đến mức sẵn sàng lừa dối, thao túng và lợi dụng người khác để đạt được tham vọng vật chất của mình dù không thành công.   1. **Nghệ thuật**   - Xây dựng nhân vật hoàn chỉnh, sinh động và đa dạng thông qua ngoại hình, suy nghĩ, lời nói, hành động, ...  - Sử dụng cách nói ngược hoặc kết nối những từ ngữ, hình ảnh trái ngược nhau để tỏ thái độ mỉa mai giễu cợt đối với các nhân vật. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Khái quát đặc điểm tiểu thuyết hiện đại từ hai VB đã đọc và rút ra kinh nghiệm đọc tiểu thuyết hiện đại.

**b. Nội dung:** HS lập bảng so sánh hai văn bản *Hai quan niệm về gia đình và xã hội* (trích *Số đỏ)* và *Ở Va-xan* (trích *Hội chợ phù hoa)*

**c. Sản phẩm:** Bảng so sánh của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia nhóm (4-5 HS/nhóm) thực hiện so sánh hai văn bản theo câu hỏi 8 (SGK/40) theo PHT  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận, tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện nhóm lên trình bày. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV hướng dẫn HS nhận xét, khái quát lại. | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP 2**  **So sánh 2 văn bản *Hai quan niệm về gia đình và xã hội* (trích Số đỏ) và *Ở Va-xan* (trích Hội chợ phù hoa)** | | | | **j** | **Tương đồng** | **Khác biệt** | | **-** Đều dùng nghệ thuật kể chuyện để phê phán các vấn đề xã hội, nhấn mạnh vào những bất công, đạo đức giả tạo và sự đau khổ trong xã hội.  **-** Tập trung vào việc mô tả con người với những phẩm chất và khuyết điểm, tạo nên những nhân vật sống động, phức tạp và đa chiều**.**  - Người kể chuyện thể hiện rõ thái độ mỉa mai qua việc miêu tả nhân vật. | **- Điểm nhìn trần thuật:**  + Vũ Trọng Phụng sử dụng điểm nhìn ngôi thứ ba.  + Thác-cơ-rây sử dụng điểm nhìn ở ngôi thứ nhất nhưng kể câu chuyện theo cái nhìn toàn tri.  **- Bối cảnh văn hóa và xã hội:**  **+** Vũ Trọng Phụng tập trung vào việc phê phán xã hội Việt Nam giai đoạn thực dân nửa phong kiến TK XX.  + William Thackeray tập trung vào xã hội Anh thế kỷ 19.  **- Xây dựng hình tượng nhân vật**  + Vũ Trọng Phụng xây dựng tính cách nhân vật chủ yếu qua lời nói, hành động.  + Thác-cơ-rây xây dựng tính cách nhân vật qua ngoại hình, lời nói, suy nghĩ, hành động, qua suy nghĩ của người khácvề nhân vật.  **- Đặc điểm ngôn ngữ:**  **+** Vũ Trọng Phụng thường sử dụng ngôn ngữ dung nạp lời nói hằng ngày của mọi lớp người, kể cả tiếng lóng, phương ngữ.  +William Thackeray có xu hướng sử dụng một phong cách lịch lãm, thượng lưu, thường xuyên sử dụng cách nói ngược hoặc kết nối những từ ngữ, hình ảnh trái ngược nhau. | | **Kinh nghiệm đọc tiểu thuyết hiện đại**  **-** Cốt truyện  - Điểm nhìn và người kể chuyện  - Nhân vật  - Sự kết hợp lời người kể chuyện và lời nhân vật  - Đặc điểm ngôn ngữ | | | |

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 1**  **TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG VĂN BẢN *Ở VA-XAN***  **Câu 3:** Liệt kê vào bảng sau một số chi tiết, cử chỉ, hành động liên quan đến các nhân vật trong văn bản, từ đó rút ra nét tính cách nổi bật của mỗi nhân vật (làm vào vở):   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Chi tiết** | **Nét tính cách** | | Giô | … | … | | Rê-béc-ca | … | … | | A-mê-li-a | … | … | | Gióoc | … | … | | Đô-bin | … | … |   **Câu 5:** Trong đoạn trích, các nhân vật xây dựng trên những phương diện nào? Từ đó, bạn có nhận xét gì về nghệ thuật xây dựng nhân vật của Thác-cơ-rây?  *Gợi ý: Ôn tập lại các phương diện xây dựng nhân vật như ngoại hình, lời nói, hành động, xuất thân, nền tảng văn hoá, mối quan hệ với các nhân vật khác,…*  **Câu 6:** Bạn có cảm nhận như thế nào về thái độ của người kể chuyện đối với các nhân vật? Từ ngữ, hình ảnh nào trong lời người kể chuyện thể hiện thái độ đó?  *Gợi ý: Thái độ của người kể chuyện có thể được thể hiện trực tiếp hoặc có thể thể hiện gián tiếp qua cách miêu tả nhân vật.*  **Câu 7:** VB trên đã cho thấy Rê-béc-ca đã dựa vào điều gì để bắt đầu quá trình tiến thân của mình trong xã hội thượng lưu Anh? Bạn có nhận xét gì về con đường tiến thân này của cô?  *Gợi ý: Đọc lướt VB, chú ý vào nhân vật Rê-béc-ca; đối chiếu với phần tóm tắt tiểu thuyết trong SGK để tìm câu trả lời.* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 2** | | |
| **So sánh 2 văn bản** *Hai quan niệm về gia đình và xã hội* (trích *Số đỏ)* và *Ở Va-xan* (trích *Hội chợ phù hoa)* | **Tương đồng** | **Khác biệt** |
|  |  |
| **Kinh nghiệm đọc tiểu thuyết hiện đại** | | |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học, mở rộng vốn hiểu biết và có cách ứng xử phù hợp

**b. Nội dung:** HS viết đoạn văn 150 chữ bàn về cách ứng xử cần có của con người khi đứng trước những cám dỗ về tiền tài, địa vị và danh vọng.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh/ sản phẩm sáng tạo của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Giáo viên yêu cầu học sinh: Từ vấn đề được gợi ra từ văn bản đã học, hãy viết đoạn văn 150 chữ nên suy nghĩ của anh/chị về cách ứng xử cần có của con người khi đứng trước những cám dỗ về tiền tài, địa vị và danh vọng.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh thực hiện yêu cầu của giáo viên

**B3. Báo cáo thảo luận**

Học sinh trình bày đoạn văn. Các học sinh khác nhận xét, góp ý

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện**

Giáo viên nhận xét, đánh giá

**4. Củng cố**

**5. HDVN**

HS về nhà đọc VB *Đọc kết nối chủ điểm: ÁO DÀI ĐẦU THẾ KỈ XX* và thực hiện nhiệm vụ của phần *Hướng dẫn đọc*

**Tiết**

**VĂN BẢN 3. Đọc kết nối chủ điểm**

***ÁO DÀI ĐẦU THẾ KỈ XX***

*Thời gian thực hiện: 0,5 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Biết được giá trị văn hóa, lịch sử của tà áo dài Việt Nam qua bài viết.

- Hiểu rõ quá trình hình thành và phát triển của tà áo dài đầu thế kỷ XX.

- Phân tích nghệ thuật và giá trị biểu cảm của tác phẩm.

**2. Về năng lực**

- Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản nghị luận văn học.

- Phát triển khả năng phân tích, đánh giá tác phẩm.

- Nâng cao kỹ năng diễn đạt lưu loát, mạch lạc.

**3. Về phẩm chất**

- Trân trọng, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Tự hào về tà áo dài Việt Nam - biểu tượng của người phụ nữ Việt Nam.

- Có ý thức giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** bảng phụ, tranh ảnh, máy chiếu (nếu có).

**2. Học liệu**

**-** Sách giáo khoa Ngữ văn 12 - Tập 2.

**-** Giáo án chi tiết.

**-** Tài liệu tham khảo.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**

- Có hứng thú về chủ đề học tập Trong ánh đèn thành thị và một loại trang phục truyền thống cũng như nét đẹp văn hóa của Việt Nam.

- Xác định được nhiệm vụ HT của phần Đọc.

**b. Nội dung**

*Cách 1.* GV mở một đoạn MV/ bật một đoạn nhạc của bài hát *“Một thoáng quê hương”*, sau đó mời HS chia sẻ suy nghĩ cá nhân.

*Cách 2.*

+ GV nêu câu hỏi gợi mở để thu hút sự chú ý của học sinh:

* Trang phục truyền thống của Việt Nam là gì?
* Theo em, tà áo dài có vai trò gì trong đời sống văn hóa của người Việt?

+ GV giới thiệu khái quát về bài học: Áo dài đầu thế kỷ XX.

**c. Sản phẩm**

- Thái độ của HS tham gia hoạt động HT.

- Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT của phần Đọc.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu câu hỏi gợi mở để thu hút sự chú ý của học sinh:  - Trang phục truyền thống của Việt Nam là gì?  - Theo em, tà áo dài có vai trò gì trong đời sống văn hóa của người Việt?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc theo nhóm đôi, thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận:** 1 – 2 HS của 3 – 4 nhóm trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  **-** GV nhận xét câu trả lời của HS.  - GV giới thiệu khái quát về bài học: Áo dài đầu thế kỷ XX. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu**

**-** Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến chủ đề VB, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB.

**-** Bước đầu dự đoán được nội dung của VB.

**-** Tạo tâm thế trước khi đọc VB.

**b. Nội dung**

**- GV cho học sinh đọc thầm văn bản Áo dài đầu thế kỷ XX.**

**- Câu hỏi:**

* + Văn bản được viết theo thể loại gì?
  + Tác giả đã giới thiệu những mốc lịch sử nào về tà áo dài?
  + Theo em, điểm độc đáo trong quá trình phát triển của tà áo dài đầu thế kỷ XX là gì?

**c. Sản phẩm**

Câu trả lời miệng của HS về nội dung dự đoán của VB, thể loại của VB và những yếu tố cần lưu ý khi đọc thể loại này, trải nghiệm của bản thân.

**d. Tổ chức thực hiện**

**-** HS thảo luận, trao đổi theo cặp đôi về các vấn đề trên.

- Chuẩn bị câu trả lời.

**Nội dung 2: Báo cáo kết quả đọc**

**a. Mục tiêu:** Báo cáo sản phẩm đọc kết nối chủ điểm.

**b. Nội dung:** HS thực hiện hoạt động *Đọc kết nối chủ điểm* ở nhà, báo cáo kết quả nhiệm vụ HT tại lớp.

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày kết quả đọc của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1. Trình bày kết quả đọc văn bản *Ngày 30 Tết***  **Nhiệm vụ 2: Trình bày kết quả đọc kết nối chủ điểm: *Áo dài đầu thế kỉ XX***  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà. Chuẩn bị chia sẻ theo nhóm và chia sẻ trước lớp.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS về nhà, đọc VB và thực hiện các yêu cầu Sau khi đọc.  - GV chia lớp thành 4 nhóm, đại diện 3 nhóm trình bày kết quả đọc trước lớp, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung (nếu có).  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS sẽ báo cáo kết quả nhiệm vụ HT tại lớp.GV kết hợp tổ chức buổi *Báo cáo kết quả đọc* cho 2 VB *Ngày 30 Tết; Áo dài đầu thế kỉ XX.*  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV sẽ nhận xét, gợi ý câu trả lời trong buổi *Báo cáo kết quả đọc.* | **I. TRÌNH BÀY KẾT QUẢ ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM VĂN BẢN *ÁO DÀI ĐẦU THẾ KỈ XX***  **1. Sự thay đổi của chiếc áo dài**  - Quá trình thay đổi của chiếc áo dài: Áo ngũ thân truyền thống 🡪 Áo dài tân thời với những đường nét ảnh hưởng từ thời trang phương Tây 🡪 Áo dài truyền thống trở lại trong một diện mạo mới.  - Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi đó: Sự tiếp thu văn hoá phương Tây dẫn đến sự ra đời của áo dài tân thời; sau đó, những cuộc đấu tranh bảo vệ cái đẹp giản dị, thanh nhã, có tính dân tộc đã dẫn đến sự phục hồi lại áo dài truyền thống.  **2. Các ý chính của VB**  – Quá trình tiếp nhận văn hoá Tây Âu ở thành thị (Từ đầu đến "… tà áo dài Việt Nam").  – Đặc điểm của áo dài tân thời nói chung và áo Lơ Muya nói riêng (Từ "Sự xuất hiện của tà áo dài…" đến "… là một biểu tượng của văn hóa Việt Nam").  – Sự phục hồi của áo dài truyền thống (Còn lại).  **3. Lý do dẫn đến sự cách tân của thời trang diễn ra mạnh mẽ nhất ở thành thị**  – Thông thường, các hoạt động giao thương kinh tế diễn ra mạnh mẽ hơn ở thành thị, cho phép người thành thị có điều kiện kinh tế để theo đuổi các mốt thời trang.  – Các hoạt động văn hoá – giáo dục cũng diễn ra mạnh mẽ hơn ở thành thị, mang lại một môi trường năng động, thay đổi không ngừng, vì vậy người thành thị có thể tiếp cận với các mốt thời trang một cách nhanh chóng và cởi mở hơn. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại giá trị nội dung, ý nghĩa của văn bản.

**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân, khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên yêu cầu học sinh dựa trên việc khám phá văn bản hãy khái quát lại nội dung và nghệ thuật của văn bản  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh làm việc cá nhân  **B3. Báo cáo thảo luận**  Giáo viên gọi cá nhân HS trình bày. Các học sinh còn lại nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV nhận xét, đánh giá và chốt ý | **III. Tổng kết**  - Nêu bật những giá trị văn hóa, lịch sử của tà áo dài Việt Nam.  - Khẳng định vai trò và ý nghĩa của tà áo dài trong đời sống hiện đại. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**

Chia sẻ nhận thức của cá nhân HS về tà áo dài Việt Nam.

**b. Nội dung**

HS chia sẻ suy nghĩ cá nhân về vai trò và ý nghĩa của tà áo dài Việt Nam.

**c. Sản phẩm**

Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **HS thảo luận nhóm đôi:**  - Em có suy nghĩ gì về nhận định *“Áo dài không chỉ là trang phục mà còn là biểu tượng của văn hóa Việt Nam”* ?  - Theo em, tà áo dài có vai trò gì trong đời sống hiện đại?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận, tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện 3 – 4 nhóm chia sẻ câu trả lời.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV nhận xét, đánh giá |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học, mở rộng vốn hiểu biết và có cách ứng xử phù hợp

**b. Nội dung:** HS viết đoạn văn và tiến hành tìm hiểu theo yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh/ sản phẩm sáng tạo của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đưa ra yêu cầu:

- Viết đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ của em về tà áo dài Việt Nam.

- Tìm hiểu thêm về các nhà thiết kế áo dài nổi tiếng của Việt Nam (bài viết/ tập san/ video clip,…).

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh thực hiện yêu cầu của giáo viên

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS chia sẻ sản phẩm vào nhóm, GV thu sản phẩm lấy điểm.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện**

**4. Củng cố**

**5. HDVN**

Ngày soạn:

**Tiết**

**VĂN BẢN 4. Đọc mở rộng theo thể loại**

***NGÀY 30 TẾT***

(Trích *Mùa lá rụng trong vườn* – **Ma Văn Kháng**)

*Thời gian thực hiện: 0,5 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại như ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,…Các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

**2. Về năng lực:**

* 1. **Năng lực đặc thù**
* Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,…
* Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
* Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tiểu thuyết.
  1. **Năng lực chung**
* Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện qua việc thảo luận nhóm.
* Năng lực tự chủ và tự học thể hiện qua việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao, phần chuẩn bị bài ở nhà.

**3. Về phẩm chất:** Trân trọng, yêu mến nét đẹp cổ truyền dân tộc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Bảng phụ, TV, ...

**2. Học liệu**

**-** Sách giáo khoa, sách giáo viên Ngữ văn 12 - Tập 2

**-** KHBD, tài liệu tham khảo gắn với nội dung văn bản 4.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**

- Có kĩ năng đọc hiểu tiểu thuyết theo đặc trưng thể loại

- Có hiểu biết về nét đẹp cổ truyền dân tộc của Việt Nam.

**b. Nội dung**

+ GV Cho HS nghe ca khúc trong phim *Mùa lá rụng trong vườn* để tạo tâm thế vào bài học

thu hút sự chú ý của học sinh:

+ GV yêu cầu học sinh cảm nhận nội dung bài hát và nêu suy nghĩ cá nhân về ý nghĩa của ngày Tết cổ truyền của dân tộc.

**c. Sản phẩm**

- Sự hứng thú của HS khi tham gia hoạt động học tập, cảm nhận của học sinh về bài hát

- Nội dung phần nêu suy nghĩ của HS về ý nghĩa của ngày Tết cổ truyền của dân tộc.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc theo nhóm (Mỗi tổ 1 nhóm), thực hiện nhiệm vụ giáo viên yêu cầu.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện mỗi nhóm trình bày câu trả lời. Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  **-** GV nhận xét câu trả lời của HS.  - GV giới thiệu khái quát về bài học: Ngày 30 Tết. | - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.  - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.  - Có thái độ tích cực, hứng thú. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu**

- Sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi thực hiện các yêu cầu trong *Đọc VB*.

- Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, VB ngày 30 Tết*.*

**b. Nội dung**

**c. Sản phẩm**

- Phần ghi chú, phần trả lời các yêu cầu *Suy luận, Dự đoán, Tưởng tượng*.

- HS nêu được những thông tin cơ bản về tác giả, văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản, tìm thông tin về tác giả, văn bản trước khi đến lớp.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên trước khi đến lớp.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV mời đại diện 3 HS thực hiện (đọc, tác giả, văn bản) mỗi HS thực hiện 1 nhiệm phát biểu trước lớp.  - GV yêu cầu cả lớp lắng nghe, ghi nhận và góp ý.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả: Ma Văn Kháng (SGK tr 43)**  **2. Tác phẩm: (SGK tr 43)** |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,…

– Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung VB.

– Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của tiểu thuyết.

**b. Nội dung:** HS đọc văn bản, làm việc nhóm để hoàn thành câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Phần thực hiện nội dung câu hỏi của học sinh, kết quả thảo luận nhóm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1. *Tìm hiểu nội dung khái quát của văn bản***  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ đọc ở nhà. Gửi sản phẩm vào nhóm trước khi đến lớp.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS về nhà thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công.  - GV chia lớp thành 4 nhóm  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS sẽ báo cáo kết quả nhiệm vụ HT tại lớp.  **B4*.* Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, gợi ý câu trả lời trong buổi Báo cáo kết quả đọc.  ***Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nhân vật chị Hoài***  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm HS đọc VB và hoàn thành câu hỏi 2,3,4 sgk/tr 48  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV kết luận, nhận định về đáp án các câu hỏi, khái quát về nhân vật chị Hoài.  **Nhiệm vụ 3: *Tìm hiểu không khí ngày Tết***  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thực hiện câu hỏi 5 SGK/ tr. 48.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Cá nhân HS suy nghĩ tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS trình bày ý kiến. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV kết luận, nhận định về đáp án.  **Nhiệm vụ 4: *Tìm hiểu chủ đề, thông điệp của văn bản***  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thực hiện câu hỏi 6 SGK/ tr. 48.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Cá nhân HS suy nghĩ tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS trình bày ý kiến. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV kết luận, nhận định về đáp án. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Nội dung chính của VB**  Văn bản kể về cuộc viếng thăm gia đình chồng cũ của chị Hoài, người chị dâu cả goá chồng trong nhà.  **2. Nhân vật chị Hoài.**  **N**hân vật Hoài là một người phụ nữ đảm đang, khéo léo, giàu tình cảm và mạnh mẽ làm chủ số phận của mình. Đó là kiểu phụ nữ truyền thống, ân tình, thuỷ chung, là kiểu người lưu giữ những nét đẹp ngàn đời qua những biến thiên dữ dội của thời đại.  **3. Không khí ngày tết**  - Khung cảnh tết: khói hương, mâm cỗ thịnh soạn *vào cái thời buổi đất nước còn nhiều khó khăn sau hơn ba mươi năm chiến tranh....*, mọi người trong gia đình tề tựu, quây quần... chuẩn bị chu đáo cho khoảnh khắc tri ân trước tổ tiên trong chiều 30 tết.  🡪 Chi tiết mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam  **4. Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm**: Cần phải bảo vệ những giá trị truyền thống về văn hoá gia đình trước những biến chuyển của thời cuộc. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân, khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên yêu cầu học sinh dựa trên việc khám phá văn bản hãy khái quát lại nội dung và nghệ thuật của văn bản  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh làm việc cá nhân  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Giáo viên gọi HS trình bày. Các học sinh còn lại nhận xét, bổ sung  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá và chốt ý | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  Qua đoạn trích, người đọc cảm nhận được những nét đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc, để không đánh mất chính mình trước sự tác động của nền kinh tế thị trường.  **2. Nghệ thuật** : cách kể chuyện tự nhiên, miêu tả nội tâm nhân vật tế, sâu sắc |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**

Chia sẻ nhận thức của cá nhân HS về ngày Tết cổ truyền của dân tộc.

**b. Nội dung**

HS chia sẻ suy nghĩ cá nhân về vai trò và ý nghĩa của ngày Tết cổ truyền của dân tộc..

**c. Sản phẩm**

Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **HS thảo luận nhóm đôi:**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận, tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện 3 – 4 nhóm chia sẻ câu trả lời.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV nhận xét, đánh giá |  |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học, mở rộng vốn hiểu biết và có cách ứng xử phù hợp

**b. Nội dung:** HS viết đoạn văn và tiến hành tìm hiểu theo yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của học sinh/ sản phẩm sáng tạo của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV đưa ra yêu cầu: Viết đoạn văn ngắn giới thiệu vài nét về không khí tết ở quê mình

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

Học sinh thực hiện yêu cầu của giáo viên

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS chia sẻ sản phẩm vào nhóm, GV thu sản phẩm lấy điểm.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện**

Ngày soạn:

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết**

**BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI MỈA**

***Thời gian thực hiện: 1 tiết***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:** Đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa.

**2. Về năng lực**

**2.1. Năng lực đặc thù:**  Phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa.

**2.2. Năng lực chung :** Năng lực giao tiếp và hợp tác thể hiện thông qua việc thảo luận nhóm.

**3. Về phẩm chất**: Có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của các giá trị vật chất và tinh thần để ứng xử phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

**2. Học liệu**

- SGK, SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến nội dung bài học; khơi gợi HS lên tưởng nội dung bài học.

- Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ HT tiếng Việt cần thực hiện.

**b. Nội dung:** HS quan sát những ngữ liệu và trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm**

Câu trả lời của HS về những nội dung muốn tìm hiểu về nội dung bài học.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **- HS quan sát những ngữ liệu và trả lời câu hỏi:**  *1.* *Nói thì đâm năm chém mười Đến bữa tối trời chẳng dám ra sân.*  (Ca dao)  *2. Làm trai cho đáng nên trai*  *Một trăm mâm cỗ chẳng sai mâm nào*  (Ca dao)  - HS trả lời câu hỏi:  Xét về phương diện nội dung, theo anh/chị 2 ngữ liệu trên có đặc điểm gì chung? Căn cứ vào đâu anh/chị nhận ra đặc điểm chung đó?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ trên.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - Đại diện 1 – 2 nhóm HS nêu câu trả lời  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung câu trả lời của HS  - GV dẫn dắt vào nội dung bài học: Trong cuộc sống hàng ngày, có những nỗi niềm, tâm trạng chúng ta muốn nói nhưng lại không không muốn thể hiện một cách trực tiếp khiến người nghe khó chịu… đặc biệt là khi nói về những mặt còn tồn tại, hạn chế của họ. Vậy thì phải làm thế nào? Lựa chọn “Biện pháp tu từ nói mỉa”- đây chính là một giải pháp hữu hiệu. Vậy biện pháp tu từ nói mỉa có đặc điểm và tác dụng cụ thể ra sao cô và các em cùng vào tiết học ngày hôm nay. | **Gợi ý:**  - Hai ngữ liệu trên đều có ý châm biếm mỉa mai đối tượng giao tiếp được đề cập tới:  1. Châm biếm, mỉa mai những kẻ ăn nói hàm hồ, khoác lác, nhưng thực chất bên trong lại là kẻ nhát gan.  2. Mỉa mai, châm biếm thói tham ăn, thích tụ tập ăn nhậu của những người con trai thiếu ý chí, không thích làm việc mà thích ăn uống hưởng thụ  - Căn cứ nhân biết: Từ ngữ mang ý nghĩa ngầm mỉa mai: “*Nói - đâm năm chém mười” “Tối trời - chẳng dám ra sân”; “Làm trai cho đáng nên trai /Một trăm mâm cỗ chẳng sai mâm nào”* |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC NHẬN BIẾT VỀ BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI MỈA**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa.

**b. Nội dung:** HS đọc nội dung ở phần *Tri thức tiếng Việt* (SGK/ tr. 24 – 25), hoàn thành nội dung yêu cầu Phiếu học tập số 1.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa trong PHT số 1.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. TÌM HIỂU VỀ BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI MỈA** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS đọc nội dung ở phần *Tri thức tiếng Việt* (SGK/ tr. 24 – 25), hoàn thành yêu cầu trong PHT số 1.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Cá nhân HS đọc và thực hiện nhiệm vụ HT.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện1 – 2 HS trình bày sản phẩm (nếu có). Các HS khác lắng nghe, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức cơ bản. | |  |  | | --- | --- | | **ĐẶC ĐIỂM BIÊN PHÁP TU TỪ NÓI MỈA** | | | Khái niệm | Nói mỉa là biện pháp tu từ sử dụng cách diễn đạt có nghĩa tường minh khác với điều người nói, người viết muốn thể hiện. | | Tác dụng | - Nhằm bộc lộ thái độ mỉa mai, châm biếm  - Tạo hiệu quả hài hước cho văn bản | | Phạm vi sử dụng | Nói mỉa thường được sử dụng trong giao tiếp hàng ngày và trong sáng tác văn chương, đặc biệt trong thơ văn trào phúng. |   ***\* Lưu ý***: Ý nghĩa mỉa mai cũng có thể được thể hiện trong cách nói nghịch ngữ  Ví dụ : Những tiếng “ ***Hắn đấy!” hay “Xem hắn kìa”*** là ***những lời chào mừng kín đáo và kính trọng*** mà chúng tôi thường gặp dọc đường.  (Nguyễn Ái Quốc, *Vi hành*)  Trong ví dụ trên, ý nggiax mỉa mai được thể hiện qua sự kết hợp để làm nổi bật lên những mâu thuẫn, đối lập giữa *những lời chào mừng kín đáo và kính trọng với những tiếng* “ *Hắn đấy!” hay “Xem hắn kìa”* |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐẶC ĐIỂM BIÊN PHÁP TU TỪ NÓI MỈA** | | |
| 1 | Khái niệm | ……………………………………………………………… |
| 2 | Tác dụng | ……………………………………………………………… |
| 3 | Phạm vi sử dụng | …………………………………………………………….. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa.

**b. Nội dung:** HS quan sát yêu cầu các bài tập trong Sách giáo khoa và hoàn thành yêu cầu trong PHT theo nhóm.

**c. Sản phẩm:** Nội dung thực hiện các bài tập của HS.

**d.** **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. THỰC HÀNH** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu bài tập 1.  - Sau thời gian… các nhóm cặp đôi ngồi gần nhau đổi bài cho nhau để nhận xét bổ sung (nếu có).  *- Lưu ý:* HS cần chú ý bối cảnh của các chi tiết, hình ảnh trong VB để nhận ra ý nghĩa của nó.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Nhóm hai HS thảo luận, thực hiện các yêu cầu theo PHT số 2.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả làm việc. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, trao đổi (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét nội dung phần trả lời của các bài tập của HS  **Bài tập 2:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu trong PHT số 3.  - Sau thời gian… các nhóm cặp đôi ngồi gần nhau đổi bài cho nhau để nhận xét bổ sung.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Nhóm hai HS thảo luận, thực hiện yêu cầu của bài tập (PHT số 3)  - Các nhóm ngồi gần nhau đổi bài cho nhu, nhận xét bổ sung cho bài của nhóm bạn.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả làm việc. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, trao đổi (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** GV nhận xét nội dung phần trả lời của của HS và kết luận.  **Bài tập 2:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi để thực hiện yêu cầu bài tập 3  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Nhóm hai HS thảo luận, thực hiện yêu cầu của bài  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả làm việc. Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung, trao đổi (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** GV nhận xét nội dung phần trả lời của của HS và kết luận. | **Bài tập 1:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Phần** | **Biểu hiện** | **Tác dụng** | | | **a** | *- Thế sao bác cũng chủ trương cải cách trong báo của bác?*  *…*  *- Đối với tôi ấy à?... Đàn bà cứ nhốt trong buồng. Mợ hiểu chưa?* | | | | “*Ông nhà báo nói một cách quả quyết như những nhà văn sĩ cấp tiến”* Những lời nhà báo vừa nói (Gia đình tôi thì cứ phải theo cổ…) thật sự không hề “cấp tiến” mà ngược lại rất hủ lậu. | - Phơi bày sự giả dối và mâu thuẫn trong quan niệm về phụ nữ của nhân vật nhà báo.  - Mỉa mai làm nổi bật sự đối lập giữa lí thuyết và hành động của nhân vật nhà báo: + Nhà báo tự nhận mình là người ủng hộ cải cách và tiến bộ xã hội nhưng lại ko áp dụng quan niệm này vào gia đình mình.  + Nhà báo tuyên bố ủng hộ giải phóng phụ nữ nhưng lại chỉ giới hạn sự giải phóng đó ở những người phụ nữ không phải là thành viên của gia đình mình. | | | **b** | *A-mê-li - a rất tán thành cuộc hôn nhân của anh trai, đúng như tính tình khôn ngoan của một thiếu nữ trẻ tuổi như cô ta.*  *(*Uy- li-am Thác –cơ –rây*, Hội chợ phù hoa)* | | | | *Đúng như tính tình khôn ngoan của một thiếu nữ trẻ tuổi như cô ta:* Thiếu nữ trẻ tuổi thường bồng bột, ngây thơ, nông nổi, A-mê-li-a cũng vậy. Chính vì không khôn ngoan nên A-mê-li-a bị Rê-béc-ca lừa gạt, tin vào tình bạn của cô đối với mình | **-** Châm biếm đối với nhân vật A-mê-li - a và phản ánh quan điểm của người kể chuyện về sự ngây thơ và thiếu suy nghĩ của cô. | | | **c** | *Mỗi khi xuống nhà ăn cơm. …đôi ngựa xám của mình).*  *(*Uy- li-am Thác –cơ –rây*, Hội chợ phù hoa)* | | | | *Giô thật là một con hươu đầu đàn lẫm liệt, vì anh ta ngồi rất bình thản trên xe tự điều khiển lấy đôi ngựa xám của mình:* Với giới thượng lưu Anh thế kỉ XIX thì chuyện tự điều khiển xe ngựa là chuyện bình thường, nhưng với Giô thì việc điều khiển xe lại “lẫm liệt” vì anh ta quá béo, lười biếng và thụ động | - Tăng cường sự hiểu biết của độc giả về tính cách nhân vật;  - Phản ánh bản chất của xã hội thượng lưu;  - Tạo tính hài hước. châm biếm. | | | **d** | *Tri phủ Xuân Trường được mấy niên,*  *Nhờ trời hạt ấy cũng bình yên.*  *Chữ “thôi” chữ “cứu” không phê đến,*  *Ông chỉ quen phê một chữ “tiền”!*  *(*Trần Tế Xương*, Bỡn tri phủ Xuân Trường)* | | | | - Sử dụng từ ngữ mỉa mai: Chữ “thôi” “cứu” những vấn đề mà quan chức như tri phủ nên quan tâm. Tuy nhiên vị tri phủ này không quan tâm tới những vấn đó mà ông chỉ quan tâm đến chữ “tiền”, ông chỉ quen làm việc bằng tiền. | | - Phơi bày và phê phán: sự nhiễu nhương, thối nát của xã hội giấu dưới vẻ ngoài bình thường, êm ả.  - Châm biếm, mỉa mai, tạo hiệu quả hài hước. |   è**Tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa**: Bộc lộ thái độ mỉa mai, châm biếm, tạo hiệu quả hài hước cho VB.  **Bài tập 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phần** | **Biểu hiện** | **Tác dụng** | | **a** | *Thôi! Tôi đã nhất định…tôi nhất định thủ tiết với hai ông chồng*  *(*Vũ trọng Phụng, *Số đỏ)* | | | Nghịch ngữ được thể hiện qua từ ngữ *“****thủ tiết****” với “****hai ông chồng****”.* Từ *“thủ tiết”* dùng để chỉ sự trong trắng và giữa gìn nhân cách nhưng lại được dùng để chỉ một tình huống trớ trêu, không đúng đắn (mối quan hệ không trong sáng của nhân vật “tôi” với cả *“hai ông chồng”* | - Khắc sâu bản chất các nhân vật, nhấn mạnh sự phi lí và mâu thuẫn trong xã hội.  - Tăng tính hài hước, khiến người đọc phải suy nghĩ về những chuẩn mực xã hội về giá trị đạo đức thực sự và sự trung thực trong cuộc sống. | | **b** | *Tôi xin chịu một hình phạt êm đềm:…bằng một cái hôn trìu mến”*  *(*Sếch- xpia, *Rô-mê-ô và Ju-li-ét)* | | | - Nghịch ngữ thể hiện qua việc kết hợp các từ ngữ “hình phạt” và “êm đềm”: Rô-mê-ô muốn xin lỗi Giu-li-ét bằng cách hôn tay nàng, nhưng anh rất hạnh phúc khi được thực hiện “hình phạt” này | - Biện pháp này tạo nên cách diễn đạt mới mẻ, độc đáo, gây ấn tượng mạnh với người đọc. |   **Bài tập 3:**  Trong hai ngữ liệu đã cho, ngữ liệu a sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa thể hiện trong cách nói nghịch ngữ, biểu thị thái độ mỉa mai, giễu cợt của người viết trước sự nghịch lí của nhân vật “tôi”. Trường hợp b không thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm; vì vậy, không gọi là nói mỉa.  Căn cứ nhận định:  + Bối cảnh và ngữ cảnh của câu nói: Tác giả sử dụng cách nói mỉa để phản ánh và phê phán lối sống giả tạo trong xã hội lúc bấy giờ.  + Mục đích của lời nói: Bộc lộ sự châm biếm với những chuẩn mực đạo đức giả mạo và sự đạo đức giả của nhân vật.  + Tác dụng của lời nói: Châm biếm, mỉa mai, hài hước. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

**Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa trong các trường hợp sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Biểu hiện** | **Tác dụng** |
| **a** | *- Thế sao bác cũng chủ trương cải cách trong báo của bác?*  *…*  *- Đối với tôi ấy à?... Đàn bà cứ nhốt trong buồng. Mợ hiểu chưa?* | |
| ………………………………. | …………………………………………. |
| **b** | *A-mê-li –a rất tán thành cuộc hôn nhân của anh trai,đúng như tính tình khôn ngoan của một thiếu nữ trẻ tuổi như cô ta.*  *(*Uy- li-am Thác –cơ –rây*, Hội chợ phù hoa)* | |
| ………………………………. | …………………………………………. |
| **c** | *Mỗi khi xuống nhà ăn cơm. …đôi ngựa xám của mình).*  *(*Uy- li-am Thác –cơ –rây*, Hội chợ phù hoa)* | |
| ………………………………. | …………………………………………. |
| **d** | *Tri phủ Xuân Trường được mấy niên,*  *Nhờ trời hạt ấy cũng bình yên.*  *Chữ “thôi” chữ “cứu” không phê đến,*  *Ông chỉ quen phê một chữ “tiền”!*  *(* Trần Tế Xương*, Bỡn tri phủ Xuân Trường)* | |
| ………………………………. | …………………………………………. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

**Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nghịch ngữ trong các trường hợp sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phần** | **Biểu hiện** | **Tác dụng** |
| **a** | *Thôi! Tôi đã nhất định…tôi nhất định thủ tiết với hai ông chồng*  *(*Vũ trọng Phụng, *Số đỏ)* | |
| ………………………………. | …………………………………………. |
| **b** | *Tôi xin chịu một hình phạt êm đềm:…bằng một cái hôn trìu mến”*  *(*Sếch- xpia, *Rô-mê-ô và Ju-li-ét)* | |
| ………………………………. | …………………………………………. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG ( GV hướng dẫn làm bài tập *Từ đọc đến viết)***

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được tri thức về chủ điểm “Trong ánh đèn thành thị”, sự khác biệt giữa tiểu thuyết và truyện ngắn để viết đoạn văn làm rõ sự khác biệt giữa hai thể loại này.

**b. Nội dung:** Hs viết đoạn văn 200 chữ ở nhà và nộp bài qua Zalo, Facebook… của lớp

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn (khoảng 200 chữ) của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*\* Giao nhiệm vụ HT:*

***-*** HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ học tập và nộp bài viết đoạn văn trên nhóm Zalo, Facebook …của lớp.

- Đến tiết học sau hoặc tiết Ôn tập, GV chọn một số bài để HS trình bày, các HS khác nhận xét bổ sung (nếu có)

- Gv gợi ý, hướng dẫn:

|  |  |
| --- | --- |
| Hình thức | Đảm bảo yêu cầu về hình thức của một đoạn văn |
| Dung lượng | Khoảng 200 chữ |
| Đề tài | Sự khác biệt giữa tiểu thuyết và truyện ngắn |
| Yêu cầu | - Ít nhất cần so sánh hai thể loại này trên các tiêu chí: *quy mô, số lượng nhân vật, độ phức tạp của diễn biến cốt truyện, độ dài rộng của thời gian, không gian*  - Diễn đạt mạch lạc; có sự liên kết về mặt nội dung và hình thức; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu |

*\* Thực hiện nhiệm vụ:*

***-*** HS làm việc cá nhân ở nhà

- HSnộp bài viết đoạn văn trên nhóm Zalo, Facebook …của lớp.

- Những HS khác góp ý dựa theo định hướng của GV

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS báo cáo sp vào tiết học sau hoặc tiết ôn tập

*\* Kết luận, nhận định:*GV dựa vào định hướng đã nêu để góp ý cho sản phẩm của HS trong tiết học sau hoặc tiết Ôn tập.

**4. Củng cố**

**5. HDVN**

**Đoạn văn tham khảo**

*Tiểu thuyết và truyện ngắn là hai thể loại văn học có nhiều điểm khác biệt, thể hiện ở quy mô, bối cảnh, nhân vật, cốt truyện và sự kiện. Tiểu thuyết thường có quy mô lớn, tập trung vào việc phát triển nhân vật, cốt truyện phức tạp, và chi tiết mô tả sâu sắc. Ngược lại, truyện ngắn tập trung vào một sự kiện, tình huống, hoặc ý tưởng cụ thể, thường có quy mô nhỏ hơn và tập trung vào việc gây ấn tượng mạnh mẽ trong khoảng thời gian ngắn. Cấu trúc của tiểu thuyết thường phức tạp, có thể bao gồm nhiều nhân vật, hoàn cảnh, và diễn biến phức tạp. Trong khi đó, truyện ngắn thường tập trung vào một số nhân vật chính. Phương pháp diễn đạt trong tiểu thuyết thường linh hoạt và chi tiết, trong khi truyện ngắn thường sử dụng ngôn từ súc tích hơn. Có thể nói, tiểu thuyết và truyện ngắn đều là những thể loại văn học quan trọng, góp phần phản ánh hiện thực cuộc sống, đồng thời bày tỏ tư tưởng, tình cảm của nhà văn. Mỗi thể loại có những ưu điểm và nhược điểm riêng, phù hợp với những đối tượng độc giả khác nhau.*

**Ngày soạn:**

Dạy viết

**VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

***Thời gian thực hiện: 2 tiết***

**I. MỤC TIÊU DẠY HỌC**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

– Biết viết VB đúng quy trình: chuẩn bị viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa.

– Viết được báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu; có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo.

**1.2. Năng lực chung**

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

**2. Phẩm chất**

Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.

**II. KIẾN THỨC CẦN DẠY**

– Các yêu cầu đối với kiểu bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

– Cách viết bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

– SGK, SGV.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

**A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ viết của bài học.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

***c. Tổ chức hoạt động***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao và thực hiện nhiệm vụ**  -GV cho học sinh đọc lướt tên đề mục phần kĩ năng viết, khung Tri thức về kiểu bài (SGK/ tr. 49) và trả lời câu hỏi sau để xác định nhiệm vụ HT.  -Và sau đó tiến hành đặt câu hỏi: Dựa vào tên đề mục phần kĩ năng viết và nội dung phần Tri thức về kiểu bài, cho biết ở bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?  **B2. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ HT của HS ở bài học này là viết bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội. | -HS làm việc cá nhân, đọc nội dung và tìm câu trả lời.  -2 HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ HT sẽ thực hiện. |

**2. Hoạt động giới thiệu tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được tình huống giao tiếp khi thực hiện bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về tình huống giao tiếp cần viết báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

***c. Tổ chức hoạt động:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao và thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm đôi để trả lời cho câu hỏi sau: Trong cuộc sống hàng ngày, người ta thường viết bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội trong những tình huống nào?  **B2. Đánh giá kết quả thực hiện:**  – GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ HT của HS và hướng dẫn HS tổng hợp, kết luận vấn đề theo một số định hướng tham khảo sau:  Một số tình huống cần viết bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội: Bài viết dự thi cuộc thi nghiên cứu khoa học, bài báo khoa học, bài viết đăng lên trang web của trường, bài viết chuẩn bị cho buổi thuyết trình/ trao đổi học thuật,…  Lưu ý: Đây là hoạt động mở đầu của bài học, vì vậy, GV có thể chấp nhận nhiều câu trả lời khác nhau và dẫn dắt vào bài học. Nếu HS có nhiều câu trả lời khác nhau thì sau khi tìm xong tri thức về kiểu bài, GV có thể quay trở lại nội dung này để định hướng nội dung trả lời hợp lí cho HS.  – GV dẫn dắt, giới thiệu nội dung bài học mới | Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ HT.  Đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày câu trả lời, các nhóm khác góp ý, bổ sung hoặc tất cả các nhóm cùng dán/ đính câu trả lời lên bảng phụ. |

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động khởi động**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được những hiểu biết về kiểu bài báo cáo kết quả nghiên cứu đã học ở lớp 10 và lớp 11.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS trình bày hiểu biết về kiểu bài báo cáo kết quả nghiên cứu đã học ở lớp 10 và lớp 11.

***c. Tổ chức hoạt động:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao và thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân và trả lời các câu hỏi sau:  – Thế nào là kiểu bài báo cáo kết quả nghiên cứu?  – Trình bày bố cục của kiểu bài báo cáo kết quả nghiên cứu.  **B2. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét ý kiến của HS và đưa ra kết luận, nhận định. | Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ HT.  Đại diện 2 – 3 HS trình bày câu trả lời trước lớp. |

**2. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được yêu cầu của kiểu bài bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời trên PHT của HS.

***c. Tổ chức hoạt động:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao và thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc theo nhóm đôi để hoàn thành PHT số 1   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  Câu 1: Thế nào là bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội?  ..............................................................................................  Câu 2: Vẽ sơ đồ bố cục của kiểu bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.  …………………………………………………………………  Câu 3: Khi viết bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội, cần lưu ý những gì để đáp ứng yêu cầu về kiểu bài?  …………………………………………………………………  Câu 4: So sánh điểm tương đồng và khác biệt của kiểu bài báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề xã hội với kiểu bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội:   |  | | --- | | **Điểm tương đồng** | | ............................................................................................ | | **Điểm khác biệt** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề xã hội** | **Báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội** | | Khái niệm |  |  | | Yêu cầu về bố cục |  |  | | | | Câu 1: Bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội là kiểu bài viết trình bày kết quả nghiên cứu, khảo sát vấn đề xã hội đó của bài tập dự án.  Câu 2: Sơ đồ bố cục của kiểu bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.  Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ, hàng  Mô tả được tạo tự động  Câu 3: Khi viết bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội cần lưu ý:  – Nội dung báo cáo trình bày chính xác, đầy đủ kết quả thực hiện của bài tập dự án.  – Ngôn ngữ chuẩn mực, khách quan, khoa học.  – Sử dụng hợp lí sơ đồ, bảng biểu để trình bày kết quả của dự án; thuyết minh các hình ảnh minh hoạ một cách rõ ràng, phù hợp.  – Trình bày trích dẫn, cước chú và tài liệu tham khảo đúng quy cách.  Câu 4:   |  | | --- | | **Điểm tương đồng** | | – Trình bày chính xác, đầy đủ, thuyết phục các kết quả thực hiện.  – Ngôn ngữ chuẩn mực, khách quan, khoa học.  – Sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đối tượng nghiên cứu.  – Sử dụng hợp lí các phương tiện phi ngôn ngữ như: sơ đồ, biểu bảng, hình ảnh, số liệu,… để trình bày kết quả.  – Trình bày trích dẫn, cước chú và tài liệu tham khảo đúng quy cách.   |  | | --- | | **Điểm khác biệt** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề xã hội** | **Báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội** | | Khái niệm | Báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề xã hội là kiểu bài trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề xã hội dựa trên những bằng chứng từ quá trình khảo sát thực tế hoặc thực nghiệm những giải pháp mà người nghiên cứu đề xuất.  à HS viết kiểu bài này để trình bày kết quả nghiên cứu về một vấn đề xã hội sau khi hoàn thành một đề tài nghiên cứu. | Báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội là kiểu bài viết trình bày kết quả nghiên cứu, khảo sát vấn đề xã hội đó của bài tập dự án.  à HS viết kiểu bài này trong bối cảnh GV sử dụng hình thức dạy học dự án để dạy học một bài học/ chủ đề nhất định và bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội là một sản phẩm của dự án này. | | Yêu cầu về bố cục | Bố cục văn bản báo cáo thường gồm các mục:  1. Tên đề tài/ nhan đề báo cáo  2. Tóm tắt  3. Từ khoá  4. Mở đầu  5. Nội dung chính  6. Kết luận  7. Tài liệu tham khảo  8. Phụ lục (nếu có) | Bố cục văn bản báo cáo thường gồm các mục:  1. Mở đầu  2. Nội dung nghiên cứu  3. Kết luận  4. Tài liệu tham khảo  5. Phụ lục (nếu có) | | | |

**3. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản (thông qua ngữ liệu tham khảo)**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích ngữ liệu tham khảo.

***b. Sản phẩm:*** Các câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích ngữ liệu tham khảo.

***c. Tổ chức hoạt động***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| - GV trình chiếu ngữ liệu tham khảo (SGK/ tr. 49 – 52) theo từng đoạn và yêu cầu HS đọc thầm, chú ý đến những phần được đánh số và khung chứa thông tin tương ứng  - Sau đó, HS thảo luận để trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu VB.  - HS làm việc theo nhóm đôi, đọc ngữ liệu và thực hiện nhiệm vụ HT.  - Đại diện 2 – 3 nhóm 2 HS trình bày câu trả lời trước lớp.  GV nhận xét câu trả lời của các nhóm HS theo định hướng: | Câu 1: Ngữ liệu tham khảo đáp ứng tất cả các yêu cầu về bố cục của kiểu bài báo cáo kết quả bài tập dự án về một vấn đề xã hội vì có đầy đủ 3 phần: Mở đầu, Nội dung nghiên cứu và Kết luận. Ngoài ra, bài báo cáo cũng trình bày danh mục tài liệu tham khảo.  Câu 2: Phần mở đầu giới thiệu đầy đủ các thông tin khái quát về dự án như: tên dự án, mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, hình thức của dự án, nhiệm vụ, sản phẩm của bài tập dự án, thời gian thực hiện.  Câu 3: Phần nội dung nghiên cứu trình bày ngắn gọn khái niệm “hứng thú” để làm cơ sở tiến hành nghiên cứu; trình bày chi tiết, rõ ràng các kết quả nghiên cứu của dự án (có lí giải và bằng chứng): thực trạng đọc hiểu VB đọc mở rộng theo thể loại, thực trạng đọc các đoạn trích của Truyện Kiều ngoài SGK và mức độ mong muốn đọc, tìm hiểu toàn văn tác phẩm Truyện Kiều của HS khối 11 trường X.  Câu 4: Phần trích dẫn trong VB có chức năng trình bày khái niệm “hứng thú” (cơ sở lí thuyết để thực hiện bài tập dự án). Phần cước chú có chức năng cung cấp thông tin tên của VB1 là Trao duyên (thông tin này không được trình bày trong VB). Phần tài liệu tham khảo bên dưới VB có chức năng cung cấp danh mục tài liệu mà người viết đã tham khảo trong quá trình thực hiện dự án và viết báo cáo kết quả bài tập dự án.  Câu 5: Ở phần kết luận, người viết đã khái quát những nội dung chính từ kết quả thực hiện bài tập dự án và đề xuất một số giải pháp để giải quyết vấn đề.  Câu 6: Một số phương tiện phi ngôn ngữ mà người viết đã sử dụng trong VB là biểu đồ, bảng biểu và sơ đồ.  Một số lưu ý khi sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ trong bài báo cáo kết quả của bài tập dự án:  – Sử dụng hợp lí các sơ đồ, biểu đồ, bảng biểu để trình bày kết quả thực hiện dự án.  – Thuyết minh các hình ảnh minh hoạ sử dụng trong báo cáo một cách rõ ràng, phù hợp.  – Nêu nguồn dẫn của các phương tiện phi ngôn ngữ nếu dẫn lại từ các nguồn khác. |

**4. Hoạt động hướng dẫn lí thuyết về quy trình viết**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

***b. Sản phẩm:*** Bảng tóm tắt quy trình viết của HS (theo mẫu PHT số 2).

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| HS đọc nội dung phần Thực hành viết theo quy trình (SGK/ tr. 53 – 54), sau đó, thảo luận nhóm (4 – 6 HS) và điền thông tin vào PHT số 2  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2  QUY TRÌNH VIẾT BÀI BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** | | ***Bước 1: Chuẩn bị viết*** |  |  | | ***Bước 2: Phác thảo đề cương báo cáo*** |  |  | | ***Bước 3: Thực hiện dự án*** |  |  | | ***Bước 4: Viết bài báo cáo kết quả thực hiện dự án*** |  |  | | ***Bước 5: Xem lại và chỉnh sửa*** |  |  |   - HS thực hiện nhiệm vụ HT.  - Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  GV đánh giá, nhận xét, kết luận theo nội dung | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **QUY TRÌNH VIẾT BÀI BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Quy trình viết** | **Thao tác cần làm** | **Lưu ý** | | ***Bước 1: Chuẩn bị viết*** | – Lựa chọn một vấn đề liên quan đến đời sống thành thị ngày nay mà nhóm quan tâm.  – Xác định mục đích viết; người đọc; mục tiêu nghiêu cứu; câu hỏi nghiên cứu; cơ sở lí thuyết để thực hiện nghiên cứu; cách thức điều tra, thu thập dữ liệu; công cụ thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu; phương pháp nghiên cứu; thời gian nghiên cứu dự kiến;….  – Sau khi chọn được đề tài, tiến hành thu thập và xử lí các tư liệu nghiên cứu có liên quan đến đề tài. | Đề tài cần có tính cụ thể, khả thi, phù hợp với trình độ nghiên cứu của nhóm và dễ dàng trong việc thu thập tư liệu | | ***Bước 2: Phác thảo đề cương báo cáo*** | Sau khi lập danh mục các tài liệu có liên quan, cần đọc kĩ tài liệu, trên cơ sở đó, phác thảo đề cương báo kết quả của bài tập dự án. | Đề cương báo kết quả của bài tập dự án gồm các mục chính sau: Mở đầu, Nội dung nghiên cứu và Kết luận. | | ***Bước 3: Thực hiện dự án*** | – Phác thảo cơ sở lí thuyết để xác lập cơ sở cho việc nghiên cứu đề tài đã chọn.  – Thu thập dữ liệu bằng các công cụ thu thập đã xác định.  – Phân tích, xử lí dữ liệu thu thập được bằng các công cụ phù hợp. |  | | ***Bước 4: Viết bài báo cáo kết quả thực hiện dự án*** | Trên cơ sở đề cương và các thông tin đã có, viết bài báo cáo kết quả thực hiện của bài tập dự án. | – Thể hiện kết quả nghiên cứu bằng cách sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ như sơ đồ, biểu đồ, bảng biểu, hình ảnh minh hoạ có thuyết minh,…  – Trình bày cước chú, trích dẫn, tài liệu tham khảo đúng quy cách. | | ***Bước 5: Xem lại và chỉnh sửa*** | Sau khi viết xong, đọc lại bài báo cáo và sử dụng bảng kiểm kĩ năng viết bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội để tự đánh giá và chỉnh sửa. |  | |

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

***a. Mục tiêu:***

– Xác định được đề tài, mục đích viết, người đọc báo cáo, mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, cơ sở lí thuyết, cách thức điều tra, thu thập dữ liệu; công cụ thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu.

– Thu thập được tư liệu cho nghiên cứu.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

– Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập.

***b. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về đề tài, mục đích viết, người đọc báo cáo, mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, cơ sở lí thuyết, cách thức điều tra, thu thập dữ liệu; công cụ thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu; tư liệu cho nghiên cứu.

***c. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| Nhóm 4 – 6 HS thực hiện những nhiệm vụ sau để chuẩn bị viết:  Xác định được đề tài, mục đích viết, người đọc báo cáo, mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, cơ sở lí thuyết, cách thức điều tra, thu thập dữ liệu; công cụ thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu bằng cách hoàn thành phiếu sau:  ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI  I. MỞ ĐẦU  1. Tên dự án:…….  2. Mục tiêu dự án:…........  3. Câu hỏi nghiên cứu:……  4. Phương pháp nghiên cứu:……  5. Hình thức dự án:……………  6. Nhiệm vụ:………  7. Sản phẩm của bài tập dự án:…  8. Thời gian thực hiện:……………  II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU  1. Khái niệm/ cơ sở lí thuyết:………………  2. Kết quả khảo sát:…………………  2.1.  2.2.  …  III. KẾT LUẬN  TÀI LIỆU THAM KHẢO  **B2. Đánh giá kết quả thực hiện:**  -GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HT của HS. Với bảng kê danh mục tài liệu tham khảo, GV đánh giá theo một số tiêu chí sau: thông tin trình bày ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ; danh mục tài liệu đa dạng; nguồn tài liệu rõ ràng, đánh tin cậy; tài liệu cập nhật, mới mẻ;…  -GV nhận xét, góp ý cho đề cương báo cáo, kết quả thu thập, phân tích, xử lí dữ liệu của HS. GV chú ý nhận xét, góp ý kết quả thực hiện cho từng nhiệm vụ của HS; trên cơ sở đó HS điều chỉnh để thực hiện những nhiệm vụ tiếp theo. | -Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ trên lớp.  + Tên tài liệu  + Nguồn tài liệu: (Tên nhà xuất bản/ tên tạp chí/ trang web, năm xuất bản/ công bố)  + Nội dung chính của tài liệu  + Sự đóng góp của tài liệu cho việc trả lời câu hỏi nghiên cứu (Câu hỏi nghiên cứu nào? Nội dung đóng góp là gì? Trả lời câu hỏi nghiên cứu ở mức độ nào?…)  -Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả.  - Các nhóm khác trao đổi. |

**2. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**2.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

***a. Mục tiêu:***

– Chỉ ra được ưu, nhược điểm trong báo cáo của nhóm bạn.

–Tự nhận ra và điều chỉnh được những hạn chế của bản thân trong quá trình HT.

***b. Sản phẩm:*** Phần nhận xét, đánh giá báo cáo của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ HT*: Nhóm HS:

(1) Dùng bảng kiểm trong SGK/ tr. 54 để bình chọn một báo cáo tốt nhất.

(2) Nêu những điều học hỏi được từ nhóm bạn.

(3) Chỉ ra ít nhất một điểm cần chỉnh sửa về báo cáo của nhóm mình.

***\**** *Thực hiện nhiệm vụ HT:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự (1) à (3)

*\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 nhóm trình bày kết quả trước lớp. Các nhóm khác tham gia trao đổi.

\* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét 1 – 2 báo cáo tốt của HS trên hai phương diện:

– Những ưu điểm cần phát huy và cần chỉnh sửa trong báo cáo của HS.

– Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS.

**2.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được kinh nghiệm khi viết báo cáo kết quả thực hiện của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

***b. Sản phẩm:*** Kinh nghiệm HS về việc viết báo báo cáo kết quả thực hiện của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ HT*:HS ghi lại ít nhất một kinh nghiệm của bản thân sau khi viết báo báo cáo kết quả thực hiện của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

*\* Thực hiện nhiệm vụ HT:* Cá nhân HS ghi lại kinh nghiệm của bản thân.

*\* Báo cáo, thảo luận:*1 – 2 HS chia sẻ kinh nghiệm. Các HS khác bổ sung.

*\* Kết luận, nhận định:* GV tổng kết, nhận xét, đánh giá.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG (THỰC HIỆN TẠI NHÀ)**

***a. Mục tiêu:*** Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ HT.

***b. Sản phẩm:*** Phần chỉnh sửa, bổ sung của nhóm HS cho báo cáo.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ HT*:Nhóm HS đọc lại báo cáo của mình lần thứ 2 để tự chỉnh sửa.

*\* Thực hiện nhiệm vụ HT*: Nhóm HS về nhà th ực hiện nhiệm vụ HT.

*\* Báo cáo, thảo luận:* HS công bố báo cáo đã chỉnh sửa lần 2 trên lớp học ảo.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm đã được chỉnh sửa lần 2, kết quả HS tự nhận ra và điều chỉnh hạn chế của bản thân trong quá trình HT.

Ngày soạn:

Tiết:

***NÓI VÀ NGHE***

**TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN**

**VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

***Thời gian thực hiện: 1 tiết***

**I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. **Kiến thức**

Cách trình bày báo cáo kết quả bài tập dự án về một vấn đề xã hội, cách sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.

**2. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

Biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội, sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác.

Năng lực giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất**

Trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phấn/ viết lông.

– SGK, SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ**

**3. Bài mới**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

***a. Mục tiêu***

- Tạo tình huống có vấn đề, kích thích tư duy.

- Bước đầu xác định được nhiệm vụ nói cần thực hiện trong bài học.

***b. Nội dung:*** Học sinh xem clip và trả lời các câu hỏi của giáo viên.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho học sinh xem đoạn clip về phần tranh biện của hai học sinh trong chương trình Trường Teen 2019 – tập 10. Và sau đó tiến hành đặt câu hỏi:  - Hai học sinh tranh biện về vấn đề gì?  - Phần phản biện của bạn Minh Anh để lại trong em ấn tượng gì?  - Theo em, để có bài phản biện như thế, bạn Minh Anh đã làm những công việc gì?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** học sinh quan sát, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **B3. Báo cáo thảo luận:** đại diện 1 -2 HS trả lời câu hỏi  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học: *Cuộc sống của chúng ta luôn luôn diễn ra hoạt động giao tiếp. Có những lúc, chúng ta phải đối mặt với những ý kiến trái chiều, những tranh biện gay gắt. Trong những tình huống ấy, dù là người nói hay người nghe, chúng ta đều cần có những kĩ năng giao tiếp. Kĩ năng ấy sẽ được bồi đắp trong từng tình huống của cuộc sống, từng bài học. Và hôm nay, với chủ đề “Bài tập dự án về một vấn đề xã hội” chúng ta cùng trang bị hai kĩ năng quan trọng này.* | - Vấn đề tranh biện: có chứng chỉ công việc làm thêm để có thể tốt nghiệp.  - Bài phản biện của Minh Anh: sắc bén, hệ thống.  - Những công việc bạn Minh Anh đã làm:  + Khi nghe: tập trung, ghi chép.  + Khi nói: nội dung được trình bày hệ thống, rõ quan điểm, lí lẽ sâu sắc,…. |

**B.** **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

1. ***Mục tiêu***

- Trình bày được cách thức thực hiện kĩ năngtrình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.

- Nắm được những yêu cầu đặt ra trong bảng kiểm.

- Hiểu sâu sắc đặc điểm của từng bước.

- Rèn luyện khả năng đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi.

***b. Nội dung:*** Thông qua hoạt động phỏng vấn và trả lời phỏng vấn để khắc sâu kiến thức.

***c. Sản phẩm***

Câu hỏi và câu trả lời của HS

Các bước thực hiện, bảng kiểm kĩ năng trình bày kết quả bài tập dự án.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu học sinh đọc kĩ hướng dẫn kĩ năng trình bày báo cáo kết quả và bảng kiểm của bài tập dự án về một vấn đề xã hội SGK trang 55- 56 trước ở nhà.  - Vào lớp, GV bốc thăm bất kì 2 học sinh  - Học sinh tự chọn vai người hỏi hoặc người trả lời. - GV tạo không gian của hoạt động phỏng vấn. Có chú ý định hướng vấn đề cho học sinh:  Câu hỏi định hướng hoạt động nói:  + Việc chuẩn bị trước khi nói là bao gồm những công việc nào?  + Vì sao phải có bước chuẩn bị trước khi nói?  + Việc kết hợp sử dụng các thiết bị hỗ trợ khi nói có những ưu điểm, hạn chế gì?  + Phương tiện phi ngôn ngữ có tác dụng gì khi nói?  Câu hỏi định hướng hoạt động trao đổi, đánh giá:  + Học sinh nào đã đưa ra ý kiến ​​một cách rõ ràng và logic?  + Điểm mạnh trong bài trao đổi của nhóm bạn là gì?  + Có điểm nào mà bạn nghĩ nhóm có thể cải thiện trong buổi trao đổi này không?  + Ai trong nhóm đã đưa ra câu hỏi hay để chia sẻ ý kiến ​​của mình?  + Nhóm/ cá nhân học sinh thực hiện hoạt động đã lắng nghe và phản hồi tích cực những ý kiến ​​của người khác chưa?  +Theo bạn như thế nào là nghe hợp lí?  + Tại sao hoạt động nói và nghe cần có bước trao đổi đánh giá?  - Trên cơ sở nội dung phỏng vấn, lớp sẽ quan sát, nhận xét bổ sung, sau khi kết thúc hoạt động.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Hai học sinh thực hiện hoạt động.  - Cả lớp quan sát, ghi chép, bổ sung.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh dựa trên việc tự nghiên cứu bài của bản thân để đặt câu hỏi cũng như trả lời câu hỏi  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  -Gv mời hs khác nhận xét, bổ sung.  -Gv nhận xét và ghi điểm cho học sinh | **Các bước thực hiện của hoạt động nói và nghe**  ***\* Chuẩn bị nói:***  -Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian  - Tìm ý và lập dàn ý (Thực hiện ở hoạt động viết)  -Chuyển nội dung bài viết thành bài nói. Cần chú ý:  + Đảm bảo cấu trúc bài nói  + Lựa chọn những luận điểm trọng tâm/tâm đắc để trình bày.  + Cân nhắc nội dung với thời gian nói được giao.  - Xác định các phương tiện hỗ trợ, dự kiến nội dung phản biện.  - Luyện nói  ***\* Trình bày bài nói***  - Theo dàn ý  - Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ  - Tương tác với người nghe.  ***\*Trao đổi và đánh giá***  - Cầu thị, nghiêm túc.  - Tập trung vào vấn đề quan trọng  **-** Dựa trên các tiêu chí cụ thể có trong bảng kiểm để tự đánh giá và đánh giá bài của bạn |

**C. HOẠT ĐỘNG 3:** **LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu***

- Tích hợp được sản phẩm của phần viết ở tiết học trước để cụ thể hóa các bước của hoạt động nói và nghe.

- Rèn luyện kĩ năng nói và nghe cũng như cách trao đổi đánh giá.

***b. Nội dung***

- HS chuẩn bị bài nói dựa trên bài viết đã có.

- Trình bày, báo cáo kết quả trước lớp

- Các HS còn lại chú ý quan sát, lắng nghe, đóng góp ý kiến trao đổi, đánh giá về bài nói.

***c. Sản phẩm:*** Bài nói của học sinh và kĩ năng trao đổi đánh giá.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm chuẩn bị nội dung hoạt động theo sự hướng dẫn ở tiết học trước (mỗi đề tài sẽ gồm một nhóm thực hiện nói và một nhóm phản biện chính; mỗi nhóm cử đại diện bốc thăm lựa chọn đề tài và nhiệm vụ ở tiết học trước). Đồng thời, có điều chỉnh kịp thời dựa trên những phát hiện mới về kiến thức sau hoạt động phỏng vấn và trả lời phỏng vấn.  - GV sẽ cho HS bốc thăm thứ tự nhóm báo cáo.  - Sau khi nhóm phản biện chính đã kết thúc phần phản biện, GV mời học sinh các nhóm khác nhận xét và đánh giá theo bảng kiểm SGK trang 56.  - Sau cùng, GV nhận xét, đánh giá và cùng cả lớp thống nhất ý kiến thảo luận cho các vấn đề.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Nhóm được báo cáo cử đại diện trình bày trước lớp.  - Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và đánh giá theo bảng kiểm.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS báo cáo kết quả nghiên cứu bài tập dự án theo bố cục hợp lí, có chú ý sử dụng các phương tiện hỗ trợ, gợi mở các vấn đề cần trao đổi,….  - Các nhóm còn lại sẽ nhận xét, chia sẻ để hoàn thiện bài báo cáo dựa trên bảng kiểm giáo viên chiếu trên màn hình.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  Dựa trên kết quả nhận xét, đánh giá, GV chốt lại và nhận xét, ghi điểm. | Dàn ý bài nói chuẩn bị trước ở nhà dựa trên bài viết đã có ở tiết trước. |

**4. Củng cố**

***a. Mục tiêu:*** chốt lại vấn đề trọng tâm của bài học + liên hệ giáo dục kĩ năng giao tiếp.

***b. Nội dung:*** HS chọn đáp án đúng trong các câu hỏi trắc nghiệm.

***c. Sản phẩm:*** câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV trình chiếu lần lượt các câu hỏi lên màn hình.  HS lựa chọn đáp án đúng  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS dựa trên sự hiểu biết về bài học để chọn đáp án đúng.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS làm việc cá nhân, chọn đáp án cho các câu hỏi  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV thưởng quà cho học sinh chọn đáp án đúng | Câu 1. c  Câu 2. a  Câu 3. d  Câu 4. d |

**5. Dặn dò:** Chuẩn bị các câu hỏi ôn tập trang 57

**Phụ lục:**

***1. Bảng kiểm kĩ năng trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội.***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung kiểm tra | | | Đạt | | Chưa đạt | |
| Nội dung bài thuyết trình | Nêu được thông tin cơ bản về dự án |  | |  | |
| Nêu ngắn gọn khái niệm, lí thuyết cơ sở đã vận dụng để thực hiện dự án |  | |  | |
| Trình bày rõ ràng, đầy đủ (các) sản phẩm của dự án |  | |  | |
| Nêu ra được kết luận hợp lí từ kết quả của dựa án |  | |  | |
| Các kĩ thuật thuyết trình | Sử dụng ngôn ngữ chuẩn mực, khách quan, khoa học. |  | |  | |
| Kết hợp hiệu quả các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ |  | |  | |
| Trình bày rõ ràng, tự tin, đúng thời gian quy định. |  | |  | |
|  | Tương tác hiệu quả với người nghe |  | |  | |
| Ghi nhận và phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến phản biện của người nghe. |  | |  | |
|  |  |  | |  | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1.** Vì sao chúng ta cần sử dụng phương tiện phị ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ,..) khi nói?  a. Giúp bài nói được hệ thống, mạch lạc.  b. Giúp đảm bảo đúng thời gian quy định khi nói.  c. Giúp người nói tự tin và người nghe đễ nắm bắt nội dung.  d. Kéo gần khoảng cách giữa người nói và người nghe  **Câu 2.** Điền từ còn thiếu trong bài ca dao sau:  *“Chim khôn kêu tiếng rảnh rang*  *Người khôn nói tiếng ………. dễ nghe”*   1. Dịu dàng 2. Rộn ràng 3. Nhịp nhàng 4. Vội vàng | **Câu 3.** *“Khi người khác nói, hãy lắng nghe chuyên chú.”– Ernest Hemingway*  Câu nói trên nhắc nhở ta điều gì khi nghe?   1. Chỉ chú tâm khi điều đó ta thích. 2. Tập trung vào các cử chỉ, điệu bộ của người nói. 3. Bên ngoài rất tập trung nhưng không nhớ điều gì người khác nói. 4. Tập trung sự chú ý và sức lực để nắm bắt nội dung của người nói và ghi nhớ nội dung đó.   **Câu 4.** Bước cuối cùng của một bài nói mang tên là gì?   1. Trình bày bài nói 2. Tương tác tích cực với người nói 3. Ghi chép các ý kiến trao đổi 4. Trao đổi và đánh giá |

1. ***Câu hỏi bài tập củng cố***

Ngày soạn:

**Tiết 12**

***ÔN TẬP***

*Thời gian thực hiện:0.5 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Thông qua các câu hỏi ở bài ôn tập, học sinh có thể hệ thống được một số vấn đề như: đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và các yếu tố của tiểu thuyết hiện đại như: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật trong một số văn bản đã học *Hai quan niệm về gia đình và xã hội, Ở Va-xan ...*

– Khái quát được một số kiến thức tiếng Việt như biện pháp tu từ nói mỉa và kỹ thuật viết bản báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội

**2. Về năng lực**

- Thông qua bài học, giáo viên rèn luyện cho học sinh năng lực tự chủ trong việc thực hiện nhiệm vụ ở nhà, nhiệm vụ ở lớp

- Giúp các em trang bị các năng lực khái quá, tổng hợp vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề một cách sáng tạo

**3. Về phẩm chất**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Yêu cuộc sống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

Laptop, Ti vi, Máy chiếu

**2. Học liệu**

**a. Với giáo viên**

- Giáo án; bản trình chiếu powerpoint;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**b. Với học sinh** SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:** không

**3. Bài mới**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS thực hiện bảng K – W – L để tổng kết những điều dã ghi nhớ được trong chủ đề và những mong muốn được học thêm trong chủ đề

**c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **- Hình thức:** Cả lớp  **- Kĩ thuật:** K – W – L  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  GV yêu cầu HS thực hiện bảng K – W – L để tổng kết những điều dã ghi nhớ được trong chủ đề và những mong muốn được học thêm trong chủ đề.  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh suy nghĩ và trả lời  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh chia sẻ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài | - Tạo tâm thế thi bắt đầu buổi học.  - Kết nối đúng các thông tin liên quan đến  bài học.  HS hoàn thành bảng K – W – L   |  |  |  | | --- | --- | --- | | K – điều đã biết | W – điều muốn biết | L – điều đã học được | |  |  |  | |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**

* Học sinh nhắc lại những kiến thức về đặc trưng của văn bản tiểu thuyết: Hình thức thể loại, mục đích viết, thông điệp trong văn bản tiểu thuyết
* Học sinh xác định được các biểu hiện của biện pháp tu từ nói mỉa
* Tổng hợp kỹ năng viết bản báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội

**b. Nội dung:** Kết quả thực hiện các bài tập 1, 2, 3 và 4 ở phần Ôn tập đã hoàn thành ở nhà; trình bày được báo cáo kết quả thực hiện bài tập dự án về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học (câu 5)

**c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức, câu trả lời của HS.**

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm 4 HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập 1, 2, 3 và 4 (SGK/ tr. 57) đã thực hiện ở nhà, sau đó, trình bày kết quả với nhau.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn.  **B3. Báo cáo thảo luận**  1 – 2 HS trình bày kết quả. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức, kĩ năng trọng tâm | **I. Tìm hiểu các câu hỏi 1-4 trang 57**  **II. Kết quả**  **Câu 1.**  HS trình bày hiểu biết của mình về đời sống thành thị trong các đoạn trích đã học, từ đó liên hệ đến thành thị ngày nay và có thể chỉ ra những thay đổi, khác biệt của đô thị ngày nay  **Câu 2.** Học sinh tự do bộc lộ  **Câu 3.**  Biện pháp tu từ nói mỉa được thể hiện trong những hình ảnh ngược với lẽ thường (cậu Tú Tân điên người vì chưa được dùng máy ảnh, bà Văn Minh sốt ruột vì chưa được mặc đồ tang tân thời). Tác dụng: bộc lộ thái độ mỉa mai, châm biếm của tác giả, tạo hiệu quả hài hước  **Câu 4.**  HS tự do trình bày ý kiến dựa trên những kinh nghiệm rút ra được từ việc viết bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội và trình bày bài báo cáo kết quả của bài tập dự án về một vấn đề xã hội, chẳng hạn: cần có kế hoạch cụ thể, xác định chi tiết mục tiêu, có phương pháp thu thập, đo lường và xử lý số liệu  **Câu 5.**  GV hướng dẫn HS xác định một dự án nghiên cứu về một số vấn đề xã hội được đặt ra từ văn bản *Hai quan niệm về gia đình và xã hội.* |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Trình bày kết quả thực hiện bài tập Từ đọc đến viết.

**b. Nội dung:** Kết quả thực hiện bài tập của HS, phần trình bày của HS.

**c. Sản phẩm:** sản phẩm viết của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Các HS trao đổi bài tập *Từ đọc đến viết* với bạn cùng nhóm.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS xem lại phần bài tập đã thực hiện, chỉnh sửa, bổ sung (nếu có), sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm đôi để nhận xét, góp ý.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS trình bày bài tập. Các HS khác và GV nhận xét về đoạn văn của HS theo các tiêu chí sau   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí đánh giá bài tập *Từ đọc đến viết*** | **Đạt** | **Chưa đạt** | | Trình bày được sự khác biệt giữa tiểu thuyết và truyện ngắn |  |  | | Viết đúng yêu cầu hình thức của một đoạn văn |  |  | | Diễn đạt mạch lạc, có sự liên kết về mặt nội dung và hình thức |  |  | | Đủ dung lượng 200 chữ |  |  |   **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức, kĩ năng trọng tâm | **I. Sản phẩm Từ đọc đến viết**  Dự án nghiên cứu về ý nghĩa của lòng chân thành trong cuộc sống  **“**Trong cuộc sống, nhiều khi tôi tự hỏi: 'Cái gì gắn kết giữa trái tim với trái tim'. Phải chăng là lòng chân thành? Vậy lòng chân thành là gì? Chân thành là sự thật thà, chân thật trong suy nghĩ và hành động, là việc đối xử với người khác bằng tình yêu thương, không vụ lợi, dối trá. Sự chân thành chính là cơ sở cốt lõi để hình thành một mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người. Người chân thành cũng sẽ nhận được sự tôn trọng, yêu quý của những người xung quanh mình. Mặt khác, sự chân thành cũng góp phần làm nên giá trị con người, hướng con người đến sự tốt đẹp, làm cho tâm hồn con người được nhẹ nhõm, an nhiên. Tuy nhiên, trong xã hội ngày nay vẫn tồn tại những kẻ dối trá, họ dùng những hành động giả dối, lời nói ngon ngọt giả tạo để lừa gạt người khác để mang đến lợi ích cho bản thân. Sự giả tạo ấy như con sâu đục khoét tâm hồn con người, làm cho nhân cách con người trở nên lệch lạc, méo mó. Chân thành là đức tính tốt đẹp mà mỗi chúng ta cần trau dồi, rèn luyện. Trong cuộc sống, mỗi chúng ta hãy học cách thành thật với bản thân và chân thành với những người đối diện, có như vậy chúng ta mới có thêm những tình cảm yêu quý chân thành, cuộc sống của chúng ta vì thế mà cũng trở nên ý nghĩa hơn.**”** |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Học sinh rút ra được những kinh nghiệm về trình bày một dự án nghiên cứu về một số vấn đề xã hội

**b. Nội dung:** HS tổng hợp được những kỹ năng viết bài nghiên cứu theo nhóm học tập

**c. Sản phẩm:** Bảng tổng hợp hoàn chỉnh của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **- Hình thức:** Thảo luận nhóm  **- Kĩ thuật:** Đặt câu hỏi- làm bài tập  **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập**  **Thảo luận nhóm:**  Học sinh rút ra được những bài học về việc viết bài nghiên cứu  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện thảo luận và hoàn thành sản phẩm  **Bước 3. Báo cáo, thảo luận**  Học sinh trình bày phần bài làm của mình  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo | GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS.  Gợi ý  - Xác định rõ đề tài, phạm vị, phương pháp, cấu trúc rõ ràng  - Tuân thủ cấu trúc 5W+1H |

**4. Củng cố:** Giáo viên yêu cầu đại diện lớp hệ thống lại một số vấn đề chính trong tiết học

**5. HDVN:** Chuẩn bị bài tiếp theo